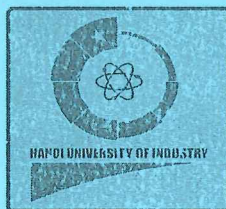


BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI



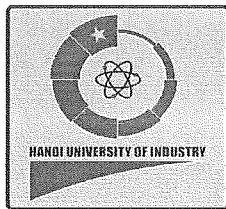
ĐỀ ÁN
MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Ngành đào tạo: CÔNG NGHỆ DỆT, MAY

Mã ngành đào tạo: 854 02 04

Hà Nội, 2019

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI**



**ĐỀ ÁN
MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

Ngành đào tạo: CÔNG NGHỆ DỆT, MAY

Mã ngành đào tạo: 854 02 04

Hà Nội, 2019

ĐỀ XUẤT XÂY DỰNG HỒ SƠ ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Tên ngành : Công nghệ Dệt, May

Mã số : 8540204

Trình độ đào tạo : Thạc sĩ

Kính gửi: Hiệu trưởng Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội**1. Sự cần thiết mở ngành đào tạo**

Ngành Dệt May thế giới triển mạnh trong những năm qua và mức tăng trưởng dự báo trong những năm tới khoảng 5%/năm, đạt 2100 tỷ USD vào năm 2025. Chuỗi giá trị dệt may toàn cầu được dự báo sẽ thu hút đầu tư 250 tỷ USD trong giai đoạn 2018-2025. Tự động hóa quá trình sản xuất đang diễn ra mạnh mẽ ở các nước phát triển, dẫn tới trong tương lai gần sẽ có sự dịch chuyển công nghệ trong các nhà máy sản xuất sản phẩm may.

Ngành Dệt May Việt Nam với hơn 6000 doanh nghiệp, có tốc độ tăng trưởng ngành dệt may lớn nhất thế giới trong những năm qua. Giá trị xuất khẩu năm 2017 đạt 31 tỷ USD; năng suất lao động trong ngành dệt may Việt Nam hiện đang thấp nhất khu vực Đông Nam Á và thấp hơn ở mức rất đáng kể. Tuy giá trị xuất khẩu cao nhưng ngành dệt may Việt Nam chưa mang lại giá trị gia tăng cao, chủ yếu là gia công. Xu hướng phát triển của ngành Dệt May Việt Nam với mức tăng trưởng khoảng 9,8%/năm, đạt giá trị xuất khẩu 55 tỷ USD vào năm 2025; bắt đầu phát triển hướng sản xuất xuất khẩu theo các phương thức cao hơn CMT là FOB, ODM, OBM.

Có rất nhiều khó khăn mà các doanh nghiệp Dệt May Việt nam gặp phải khi chuyển sang hình thức sản xuất FOB, ODM, OBM. Trong đó, sự ***thiếu hụt nguồn nhân lực chất lượng cao*** để có thể nghiên cứu, thiết kế phát triển sản phẩm bền vững, chuẩn bị vật liệu may đảm bảo chất lượng, thiết kế kỹ thuật và công nghệ tối ưu, tổ chức sản xuất một cách hiệu quả và tìm kiếm các thị trường xuất khẩu cũng như thực hiện nhiệm vụ đào tạo và NCKH ***thể hiện một cách rõ nét***. Điều này được nhiều các lãnh đạo doanh nghiệp dệt may khẳng định trong hội thảo về *Phát triển nguồn nhân lực cho ngành Công nghiệp May tới năm 2023*, được tổ chức vào tháng 11/2017 và các báo cáo khác. Trong thời gian qua, ngành Dệt May nói chung và các doanh nghiệp Dệt May nói riêng mới chỉ chú trọng vào đầu tư

công nghệ, chưa thực sự quan tâm, đầu tư đúng mức cần thiết cho công tác đào tạo nguồn nhân lực.

Khoa CN May & TKTT đã tổ chức khảo sát các cơ sở đào tạo, sản xuất, doanh nghiệp, các khu công nghiệp dệt may trên địa bàn Hà Nội và các tỉnh lân cận. Theo kết quả khảo sát về nhu cầu lao động có trình độ cao cho thấy các cơ sở này rất cần nguồn nhân lực có trình độ cao ngành CN Dệt May, để giải quyết các vấn đề về đào tạo và nghiên cứu khoa học, về quản lý, kỹ thuật trong sản xuất, kinh doanh.

Kết quả khảo sát 325 sinh viên năm cuối ngành Công nghệ Dệt, May tại ĐH CNHN cho thấy số lượng sinh viên có nhu cầu học Cao học ngành Công nghệ Dệt, May là 117 sinh viên, chiếm 36% tổng số người được khảo sát. Kết quả khảo sát 530 cựu sinh viên của khoa cho thấy số lượng cựu sinh viên có nhu cầu học Cao học ngành Công nghệ Dệt, May là 120 người, chiếm 37,7% tổng số người được khảo sát.

Kết quả khảo sát của các khu công nghiệp, các khu chế xuất, các Công ty Dệt May và thời trang, các văn phòng đại diện của các hãng nước ngoài tại Việt Nam, các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đến ngành Dệt May,... cần đào tạo nguồn nhân lực trình độ thạc sĩ ngành Công nghệ Dệt May là 70,8 % (17/24) số đơn vị khảo sát.

Kết quả khảo sát tại các viện nghiên cứu, trường Đại học đặc biệt là các trường Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp trên địa bàn Hà Nội và các tỉnh lân cận cần đào tạo nguồn nhân lực trình độ thạc sĩ ngành Công nghệ Dệt May là 90,9% (10/11) số đơn vị khảo sát.

Qua kết quả khảo sát, phân tích, đánh giá nhu cầu về nguồn nhân lực trình độ thạc sĩ của ngành CN Dệt May đối với yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội, cho thấy nhu cầu này phù hợp với quy hoạch và phát triển nguồn nhân lực của thành phố Hà nội và các tỉnh lân cận trong 5 năm tiếp theo, trong đó thể hiện: “tăng tỷ lệ nhân lực qua đào tạo từ 35% tổng lực lượng lao động năm 2011 lên 55% năm 2015 và 75% năm 2020. Trong nhân lực qua đào tạo, tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề từ 10% năm 2011 lên 20% năm 2015 và 35% năm 2020; tỷ lệ lao động có trình độ đại học cao đẳng đạt mức 20% năm 2015 và 30% năm 2020; tỷ lệ lao động có trình độ sau đại học đạt 2,5% năm 2015 và 3,5% năm 2020. Nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ giáo viên đến năm 2020 có ít nhất 30% giáo viên ở các trường trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề và 50% giáo viên ở các trường cao đẳng nghề có trình độ thạc sĩ trở lên; có 70% giảng viên cao đẳng có trình độ thạc sĩ, trong đó có 15% trình độ tiến sĩ; có 100% giảng viên đại học có trình độ thạc sĩ trở lên, trong đó có 50% là tiến sĩ.”

Tại Việt Nam, các cơ sở đào tạo ngành Công nghệ dệt, may là ngành phát triển sau, chưa có bề dày như những ngành khác. Ít trường có cơ sở vật chất đầy đủ, dồi dào theo kịp sự phát triển về thiết bị, công nghệ tại doanh nghiệp. Lực lượng cán bộ, giảng viên có trình độ cao ít. Hiện nay, ngoài trường ĐH CN Hà Nội, còn có 6 trường đào tạo ngành Công nghệ dệt, may trình độ đại học, chỉ có đại học Bách khoa Hà Nội có đào tạo trình độ Cao học Công nghệ Vật liệu dệt may. Bên cạnh đó, việc mở ngành đào tạo thạc sĩ CN Dệt May cũng đã được xác định trong phương hướng, kế hoạch phát triển của trường ĐH CNHN.

Trong bối cảnh như trên, việc xây dựng kế hoạch và mở ra chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành *Công nghệ Dệt, May* là cần thiết đối với khoa nhằm phục vụ nhu cầu học tập của học viên, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành công nghiệp dệt may, các cơ sở đào tạo và góp phần quan trọng để khẳng định vị thế của khoa, trường; từng bước xây dựng đội ngũ giảng viên có năng lực chuyên môn cao, có học hàm, học vị để tiến tới đào tạo ở trình độ Tiến sĩ trong tương lai xa hơn, đồng thời đáp ứng nhu cầu phát triển của trường Đại học Công Nghiệp Hà Nội theo chiến lược đã được Bộ Công Thương phê duyệt.

2. Giới thiệu khái quát về Khoa đào tạo

Khoa Công nghệ May & Thiết kế thời trang được thành lập ngày 01/10/2003. Khoa có chức năng đào tạo các hệ (Công nhân kỹ thuật, Trung cấp nghề, Cao đẳng nghề, Trung cấp chuyên nghiệp, Cao đẳng chính quy, Đại học chính quy, Liên thông Trung cấp - Cao đẳng, Liên thông Cao đẳng - Đại học) cho hai ngành Công nghệ May và Thiết kế Thời trang.

Trong các năm qua, khoa đã đào tạo và cung cấp hàng nghìn lao động kỹ thuật cho các doanh nghiệp ngành May và Thời trang. Tỷ lệ sinh viên ra trường các năm đạt trung bình từ 90-95%, trong đó, loại khá giỏi chiếm 80-85%. Hầu hết sinh viên sau khi ra trường 2 tháng đều có việc làm. Trên 90% trong số đó làm việc theo đúng ngành nghề được đào tạo. Qua thăm dò ý kiến của doanh nghiệp (nơi có sinh viên làm việc) đều đánh giá tốt về kỹ năng và ý thức làm việc của sinh viên tốt nghiệp tại khoa. Nhiều sinh viên của khoa đã là những cán bộ chủ chốt trong doanh nghiệp hoặc có thu nhập cao trong ngành sản xuất và kinh doanh dệt may và thời trang.

Cùng với quá trình xây dựng và phát triển của trường Đại học Công Nghiệp Hà Nội, Khoa CN May & TKTT đã có những đóng góp rất thiết thực. Hiện nay, khoa đã và đang là một địa chỉ đào tạo nhân lực có uy tín, chất lượng. Hàng năm, khoa cung cấp cho thị trường lao động một nguồn nhân lực đông đảo gồm các kỹ sư, cử nhân cao đẳng, đáp ứng yêu cầu cho sự phát triển của ngành Dệt May và

thời trang Việt Nam trong giai đoạn mới.

- Các ngành, trình độ và hình thức đang đào tạo:

Hiện tại khoa đang đào tạo hai ngành Công nghệ dệt may và Thiết kế thời trang, trình độ đại học; đào tạo ngành Công nghệ may trình độ cao đẳng.

- Đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý:

Đội ngũ giảng viên làm việc tại khoa gồm 30 cán bộ giảng viên trong đó có 01 PGS. TS, 04 tiến sĩ ngành CN Dệt May và ngành gân, 22 thạc sĩ, trong đó, 7 thạc sĩ đang là NCS, 2 kỹ sư đang là học viên cao học. Các giảng viên của Khoa hầu hết đều giàu kinh nghiệm chuyên môn, nhiệt tình trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Các cán bộ, giảng viên của Khoa luôn tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn, cập nhật công nghệ. Việc xây dựng các chương trình, viết giáo trình phục vụ giảng dạy và học tập của học sinh, sinh viên luôn được quan tâm thực hiện. Các giảng viên đã tham gia nhiều công trình nghiên cứu cấp Bộ, cấp Trường, công bố nhiều công trình trên các hội nghị, tạp chí khoa học có uy tín ở trong và ngoài nước. 04 giảng viên đã tham gia giảng dạy cho hệ đào tạo sau đại học, nhiều giáo viên dạy giỏi các cấp, hướng dẫn các công trình nghiên cứu khoa học chuyên sâu cho học viên cao học và sinh viên được đánh giá cao.

Trong thời gian tới, cán bộ, giảng viên khoa CN may & TKTT sẽ tiếp tục duy trì và không ngừng phát triển về năng lực chuyên môn cũng như phương pháp sư phạm để ngày càng nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập trong nhà trường. Chuẩn bị tốt kiến thức và kỹ năng ngành dệt, may cho sinh viên ra trường đáp ứng được yêu cầu của nhà tuyển dụng hoặc yêu cầu ở các bậc đào tạo cao hơn.

- Quy mô đào tạo các trình độ:

Hiện tại khoa CN May và TKTT đang đào tạo 1122 sinh viên đại học và 536 sinh viên cao đẳng 2 ngành Công nghệ may và Thiết kế thời trang hình thức chính quy tập trung.

- Cơ sở vật chất, thiết bị, phòng thí nghiệm thực hành, thư viện, giáo trình

+ Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy:

Hiện nay, nhà trường có hệ thống giảng đường, phòng học lý thuyết với trên 300 phòng, hệ thống phòng thực hành, thí nghiệm gồm 200 phòng, với trên 2500 máy tính.

Cơ sở vật chất của Khoa đáp ứng cho học viên, sinh viên học tập và nghiên cứu. Hiện nay, khoa có 3 phòng thí nghiệm với các thiết bị đo lường Vật liệu dệt may, Nghiên cứu và phát triển sản phẩm dệt may và Công nghệ dệt, may; 3 phòng máy tính với 129 máy được trang bị phần mềm thiết kế chuyên ngành sản phẩm dệt, may chuyên ngành của Lectra, CH Pháp; 7 xưởng may với các trang thiết bị hiện đại, 6 phòng thực hành thiết kế sản phẩm dệt may.

+ Thư viện, giáo trình, sách, tài liệu tham khảo

a) Thư viện

Nhà trường có 03 Trung tâm thông tin thư viện với tổng diện tích 6.500m² (trong đó diện tích các phòng đọc, nghiên cứu, hội thảo là 4.500m² và diện tích 2.000m² kho chứa) với trên 300.000 đầu sách, số đầu sách và giáo trình điện tử >10.000 đơn vị, hệ thống phòng đọc, phòng nghiên cứu, tra cứu tài liệu hiện đại. Trung tâm sử dụng hệ quản trị thư viện Libol 6.0 (Library Online 6.0), sử dụng công nghệ mã vạch để quản lý hoạt động thư viện. Nhà trường đã xây dựng trang Website thư viện <http://lib.hau.edu.vn/> để phục vụ cho sinh viên. Ngoài ra thư viện của trường còn kết nối với thư viện của Bộ Giáo dục và Đào tạo <http://ebook.moet.gov.vn/> giúp cho sinh viên, học viên của trường tra cứu, sử dụng tài liệu để nghiên cứu và học tập. Hàng năm nhà trường đầu tư hàng tỉ đồng để mua bổ sung tài liệu nhằm tăng vốn đầu sách trong thư viện.

Những phòng nghiệp vụ chủ yếu gồm: 2 phòng đọc tài liệu điện tử với 80 máy tính cấu hình cao nối mạng LAN và mạng internet tốc độ cao và các thiết bị đồng bộ khác; 7 phòng đọc tài liệu tổng hợp với trên 10.000 đầu sách, báo, tạp chí khoa học phục vụ cùng một lúc trên 500 chỗ ngồi; 3 Phòng hội thảo khoa học với đầy đủ các trang thiết bị phục vụ hội thảo. Cho phép hội thảo trực tuyến qua mạng internet không phân biệt khoảng cách địa lý.

b) Danh mục giáo trình, sách tham khảo của ngành đào tạo

Danh mục giáo trình của ngành đào tạo có 25 đầu sách. Danh mục sách, tham khảo chuyên khảo của ngành đào tạo có 76 đầu sách.

3. Về ngành đào tạo và chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo đăng ký mở: Công nghệ dệt, may
- Tên chương trình đào tạo: Thạc sĩ Công nghệ dệt, may
- Tóm tắt khả năng đáp ứng của Khoa đào tạo về đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, nguồn thông tin tư liệu...

Khoa CN May và TKTT hiện đang đào tạo hai ngành (Công nghệ dệt, may và Thiết kế thời trang) với những giảng viên trình độ cao, giàu kinh nghiệm về giảng dạy, xây dựng chương trình, thiết kế tài liệu giảng dạy và đề thi. Các giảng viên này sẽ là một trong những yếu tố quan trọng cho quá trình xây dựng và phát triển của ngành Công nghệ dệt, may trình độ cao học. Khoa có 1 PGS. TS, 04 tiến sĩ (trong đó 1 PGS, 3 TS đã có kinh nghiệm tham gia giảng dạy sau đại học) và 3 NCS ngành CN dệt, may và 22 thạc sĩ ngành CN Vật liệu dệt may. Các cán bộ, giảng viên đều có nhiệt huyết với công việc giảng dạy, tinh thần trách nhiệm cao và sẵn sàng cống hiến.

Khoa CN May và TKTT được trang bị cơ sở vật chất về trang thí bị phòng thí nghiệm, xưởng thực hành,... phù hợp để đảm bảo đáp ứng các điều kiện cần thiết cho giảng dạy và nghiên cứu khoa học ngành công nghệ dệt, may. Đồng thời, học viên và giảng viên trong khoa cũng có thể sử dụng các thiết bị và phòng thí nghiệm ở các khoa khác trong trường để thực hiện các nghiên cứu liên ngành, đảm bảo chất lượng quá trình giảng dạy và học tập của giảng viên và học viên.

Khoa tự xét thấy điều kiện đáp ứng được nhu cầu đào tạo cao học ngành Công nghệ dệt, may theo các qui định của nhà trường và Bộ Giáo dục và ĐT.

- Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh trong 5 năm đầu của ngành đăng ký đào tạo:

Dự kiến tuyển sinh ngành Công nghệ dệt, may, trình độ cao học: năm thứ nhất và năm thứ hai, mỗi năm 20 học viên, từ năm thứ ba tới năm thứ năm, mỗi năm 30 học viên.

4. Kết luận và đề nghị

- Khoa Công nghệ May & TKTT cam kết đào tạo có kết quả tốt, đảm bảo chất lượng đối với ngành Công nghệ dệt, may; trình độ thạc sĩ.

- Đề nghị Nhà trường xem xét thông qua đề xuất xây dựng hồ sơ mở ngành Công nghệ dệt, may.

Phụ trách khoa đào tạo



PGS. TS. Nguyễn Thị Lệ

Hà nội, ngày tháng năm 2019

ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

- Tên ngành đào tạo: Công nghệ Dệt May
- Mã số: 8540204
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Phần 1. Sự cần thiết phải xây dựng đề án

1. Giới thiệu sơ lược về khoa Công nghệ May & TKTT (năm thành lập, quá trình xây dựng và phát triển)

Khoa Công nghệ May & Thiết kế thời trang được thành lập ngày 01/10/2003. Khoa có chức năng đào tạo các hệ (Công nhân kỹ thuật, Trung cấp nghề, Cao đẳng nghề, Trung cấp chuyên nghiệp, Cao đẳng chính quy, Đại học chính quy, Liên thông Trung cấp - Cao đẳng, Liên thông Cao đẳng - Đại học) cho hai ngành Công nghệ May và Thiết kế Thời trang.

Năm học 2003 – 2004 khoa tuyển sinh khóa đầu tiên đào tạo trình độ trung cấp chuyên nghiệp ngành Công nghệ May. Năm học 2005 – 2006 khoa tuyển sinh khóa đầu tiên trình độ Cao đẳng cho 2 ngành Công nghệ May & Thiết kế Thời trang. Năm học 2009 – 2010 khoa bắt đầu tuyển sinh trình độ Đại học 2 ngành Công nghệ May và Thiết kế Thời trang.

Trong các năm qua, khoa đã đào tạo và cung cấp hàng nghìn lao động kỹ thuật cho các doanh nghiệp ngành May và Thời trang. Tỷ lệ sinh viên ra trường các năm đạt trung bình từ 90-95%, trong đó, loại khá giỏi chiếm 80-85%. Hầu hết sinh viên sau khi ra trường 2 tháng đều có việc làm. Trên 90% trong số đó làm việc theo đúng ngành nghề được đào tạo. Qua thăm dò ý kiến của doanh nghiệp (nơi có SV làm việc) đều đánh giá tốt về kỹ năng và ý thức làm việc của sinh viên tốt nghiệp tại khoa. Nhiều sinh viên của khoa đã là những cán bộ chủ chốt trong doanh nghiệp hoặc có thu nhập cao trong ngành sản xuất và kinh doanh thời trang.

Cùng với quá trình xây dựng và phát triển của trường Đại học Công Nghiệp Hà Nội, Khoa CN May & TKTT đã có những đóng góp rất thiết thực. Hiện nay, khoa CN May & TKTT đã và đang là một địa chỉ đào tạo nhân lực có uy tín, chất lượng. Hàng năm, Khoa CN May & TKTT cung cấp cho thị trường lao động một nguồn nhân lực đông đảo gồm các kỹ sư, cử nhân cao đẳng, đáp ứng yêu cầu cho sự phát triển của ngành Dệt May và

TT Việt Nam trong giai đoạn mới.

Đội ngũ giảng viên làm việc tại khoa gồm 34 cán bộ giảng viên trong đó có 01 PGS. TS, 04 tiến sĩ ngành CN Dệt May và ngành gần, 7 thạc sĩ đang là NCS (3 giảng viên là nghiên cứu sinh ngành CN Dệt May, 4 giảng viên là NCS ngành LL và LS Mỹ thuật, chuyên ngành Thời trang), 2 kỹ sư đang là học viên cao học. Các giảng viên của Khoa hầu hết giàu kinh nghiệm chuyên môn, nhiệt tình giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Các CBGV của Khoa luôn tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn, cập nhật công nghệ. Việc xây dựng các chương trình, viết giáo trình phục vụ giảng dạy và học tập của học sinh, sinh viên luôn được quan tâm thực hiện. Trong những năm qua đội ngũ cán bộ giảng viên của Khoa đã có nhiều thành tích đáng ghi nhận. Các giảng viên đã chủ trì và tham gia nhiều công trình nghiên cứu cấp Bộ, cấp Trường, công bố nhiều công trình trên các hội nghị, tạp chí khoa học có uy tín ở trong và ngoài nước. 05 cán bộ giảng viên đã tham gia giảng dạy cho hệ đào tạo sau đại học, nhiều giáo viên dạy giỏi các cấp, hướng dẫn các công trình nghiên cứu khoa học chuyên sâu cho học viên cao học và sinh viên được giới chuyên môn đánh giá cao.

Cơ sở vật chất của Khoa đáp ứng cho học viên, sinh viên học tập và nghiên cứu. Hiện nay khoa CN May & TKTT đã được trang bị những hệ thống thiết bị hiện đại cho các phòng thực hành và thí nghiệm phục vụ cho công tác đào tạo, học tập của sinh viên như các phòng máy tính được trang bị các phần mềm chuyên ngành phục vụ cho việc thiết kế, tính toán sản phẩm dệt may & thời trang, ngoài ra còn có các phòng thực hành tạo mẫu, thiết kế, công nghệ; các phòng thí nghiệm cơ bản và chuyên sâu như Vật liệu dệt may, nghiên cứu thiết kế sản phẩm dệt may, Công nghệ dệt may,... các hệ thống, thiết bị đào tạo về thiết kế, gia công sản phẩm dệt may, thí nghiệm, thực hành về vật liệu dệt may,... Ngoài ra còn có các thiết bị đo lường như dụng cụ, thiết bị đo kích thước cơ thể người, đo lường thông số cấu trúc vải,...

2.Trình bày kết quả khảo sát, phân tích, đánh giá nhu cầu về nguồn nhân lực trình độ thạc sĩ của ngành CN Dệt May đối với yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của thành phố, khu vực nơi nhà trường đóng trụ sở; phân tích, đánh giá sự phù hợp của nhu cầu này với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của địa phương, khu vực, quốc gia (do nhà trường hoặc địa phương thực hiện trong 3 năm, tính đến thời điểm đề nghị mở ngành).

Kết quả khảo sát

Khoa đã tổ chức khảo sát các cơ sở đào tạo, sản xuất, doanh nghiệp, các khu công nghiệp trên địa bàn Hà Nội và các tỉnh lân cận. Theo kết quả khảo sát về nhu cầu lao động có trình độ cao cho thấy các cơ sở này rất cần nguồn nhân lực có trình độ cao, đặc biệt là nguồn nhân lực ngành CN Dệt May, để giải quyết các vấn đề về quản lý, kỹ thuật

trong đào tạo và nghiên cứu khoa học, sản xuất, kinh doanh.

Kết quả khảo sát 325 sinh viên năm cuối ngành Công nghệ Dệt, May tại ĐHCNHN cho thấy số lượng sinh viên có nhu cầu học Cao học ngành Công nghệ Dệt, May là 117 sinh viên, chiếm 36% tổng số người được khảo sát.

Kết quả khảo sát 530 cựu sinh viên của khoa cho thấy số lượng cựu sinh viên có nhu cầu học Cao học ngành Công nghệ Dệt, May là 120 người, chiếm 37,7% tổng số người được khảo sát. Tỷ lệ có việc làm của cựu sinh viên sau 1 năm là 96,3%.

Kết quả khảo sát của các khu công nghiệp, các khu chế xuất, các Công ty Dệt May và thời trang, các văn phòng đại diện của các hãng nước ngoài tại Việt Nam, các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đến ngành Dệt May,... cần đào tạo nguồn nhân lực trình độ thạc sĩ ngành Công nghệ Dệt May là 70,8 % (17/24) số phiếu khảo sát.

Kết quả khảo sát tại các viện nghiên cứu, trường Đại học đặc biệt là các trường Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp trên địa bàn Hà Nội và các tỉnh lân cận cần đào tạo nguồn nhân lực trình độ thạc sĩ ngành Công nghệ Dệt May là 90,9% (10/11) số đơn vị khảo sát.

Kết quả khảo sát các nhà khoa học trong ngành dệt may cho thấy 100% các nhà khoa học được khảo sát (13 người) đều cho rằng việc mở ngành đào tạo Công nghệ dệt may trình độ Cao học tại trường ĐHCNHN là cần thiết và rất cần thiết. Việc mở ngành đào tạo thạc sĩ CN Dệt May đã được xác định trong phương hướng/kế hoạch phát triển của nhà trường và đã được Hội đồng trường quyết nghị thông qua.

Qua kết quả khảo sát, phân tích, đánh giá nhu cầu về nguồn nhân lực trình độ thạc sĩ của ngành CN Dệt May đối với yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội, cho thấy nhu cầu này phù hợp với quy hoạch và phát triển nguồn nhân lực của thành phố Hà nội và các tỉnh lân cận trong 5 năm tiếp theo, trong đó thể hiện: “tăng tỷ lệ nhân lực qua đào tạo từ 35% tổng lực lượng lao động năm 2011 lên 55% năm 2015 và 75% năm 2020. Trong nhân lực qua đào tạo, tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề từ 10% năm 2011 lên 20% năm 2015 và 35% năm 2020; tỷ lệ lao động có trình độ đại học cao đẳng đạt mức 20% năm 2015 và 30% năm 2020; tỷ lệ lao động có trình độ sau đại học đạt 2,5% năm 2015 và 3,5% năm 2020. Nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ giáo viên đến năm 2020 có ít nhất 30% giáo viên ở các trường trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề và 50% giáo viên ở các trường cao đẳng nghề có trình độ thạc sĩ trở lên; có 70% giảng viên cao đẳng có trình độ thạc sĩ, trong đó có 15% trình độ tiến sĩ; có 100% giảng viên đại học có trình độ thạc sĩ trở lên, trong đó có 50% là tiến sĩ.”

2. Giới thiệu về Bộ môn chuyên ngành thuộc khoa đào tạo sẽ trực tiếp đảm nhận nhiệm vụ đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Công nghệ Dệt May.

Bộ môn Công nghệ May sẽ trực tiếp đảm nhận nhiệm vụ đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Công nghệ dệt, may.

Bộ môn Công nghệ may thuộc khoa Công nghệ may & TKTT gồm 01 PGS. TS ngành CN dệt may, 03 NCS ngành CN dệt may, 14 Thạc sĩ ngành CN VL dệt may, 02 giảng viên đang là học viên cao học.

Bộ môn được thành lập từ ngày đầu thành lập khoa, quản lý ngành đào tạo chính là Công nghệ Dệt May, chuyên ngành Công nghệ May.

Các giảng viên trong bộ môn đã có nhiều đóng góp và đạt được nhiều thành tích trong đào tạo và nghiên cứu khoa học; luôn cố gắng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; đã chủ trì và tham gia nhiều đề tài nghiên cứu khoa học các cấp cũng như công bố nhiều bài báo tại các hội thảo, tạp chí trong và ngoài nước.

Ngoài các xưởng thực hành công nghệ may và thiết kế sản phẩm, các phòng thí nghiệm Vật liệu dệt may, Công nghệ dệt may, Nghiên cứu và Thiết kế sản phẩm dệt may do bộ môn quản lý, phục vụ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học.

3. Lý do đề nghị mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ.

Căn cứ vào nhu cầu nguồn nhân lực ngành Công nghệ Dệt, May trình độ cao của xã hội nói chung, và đặc biệt là các doanh nghiệp sản xuất ở các khu công nghiệp, các viện nghiên cứu, các Công ty Dệt May, các Công ty/nhà máy sản xuất sản phẩm dệt may và thời trang, các hãng, văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam, đơn vị quản lý nhà nước có liên quan đến lĩnh vực dệt may,...

Căn cứ nhu cầu nguồn nhân lực của các trường Đại học, Cao đẳng trên địa bàn thành phố Hà Nội và các tỉnh lân cận, các trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề, các trung tâm giáo dục thường xuyên về đội ngũ giáo viên có đủ trình độ và kỹ năng nghề nghiệp đáp ứng được yêu cầu dạy nghề và đưa các ứng dụng của KHCN vào trong thực tế sản xuất và đời sống, đặc biệt là nguồn nhân lực ngành Công nghệ Dệt May.

Hàng năm trường Đại học Công nghiệp Hà Nội đã đào tạo ra hàng nghìn kỹ sư công nghệ kỹ thuật trong đó có kỹ sư Công nghệ Dệt, May, cử nhân Thiết kế thời trang. Các kỹ sư, cử nhân sau khi tốt nghiệp ra trường đã nhanh chóng có việc làm đúng chuyên môn đào tạo đáp ứng tốt nhiệm vụ và được các doanh nghiệp dệt may và thời trang đánh giá cao. Hơn nữa, do khoa học và kỹ thuật công nghệ phát triển nhanh, một số vấn đề về quản lý, về kỹ thuật nảy sinh trong sản xuất đòi hỏi phải có một đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn cao hơn mới giải quyết được. Mặt khác, qua khảo sát các viện nghiên cứu, trường đào tạo ngành Dệt May, các doanh nghiệp sản xuất, quản lý và kinh doanh

sản phẩm dệt may; các hãng, văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam; các khu công nghiệp,... với các đối tượng như nhà quản lý sử dụng nhân lực, nhà khoa học,... cho thấy nhu cầu cần có đội ngũ cán bộ này là rất cần thiết, đồng thời nhiều sinh viên của nhà trường sau khi tốt nghiệp, các kỹ sư, cử nhân đang công tác có nhu cầu được học nâng cao trình độ chuyên môn, quản lý để đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Xuất phát từ thực tế và căn cứ vào khả năng của Khoa, Trường về năng lực tổ chức quản lý đào tạo, về đội ngũ giảng viên, về cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo đáp ứng một cách tốt nhất cho việc đào tạo trình độ thạc sĩ, Khoa Công nghệ May & TKTT, Trường đại học Công nghiệp Hà Nội xây dựng đề án đăng ký đào tạo trình độ thạc sĩ.

Phần 2. Năng lực của Khoa Công nghệ May và thiết kế thời trang

1. Khái quát chung về quá trình đào tạo

1.1. Các ngành, trình độ và hình thức đang đào tạo:

Hiện nay, Khoa CN May và TKTT đang đào tạo 2 ngành Công nghệ dệt, may và ngành Thiết kế thời trang ở trình độ đại học; ngành CN Vật liệu dệt may trình độ đại học được bắt đầu tuyển sinh từ 2019; 2 Ngành Công nghệ May và Thiết kế thời trang ở trình độ cao đẳng.

1.2. Qui mô đào tạo các trình độ, hình thức đào tạo:

Hình thức đào tạo chủ yếu là tập trung, đại học chính qui và cao đẳng chính qui, cao đẳng nghề nghiệp tập trung. Qui mô tuyển sinh hàng năm khoảng 250 sinh viên đại học, 120 sinh viên cao đẳng. Trong khoa hiện đang đào tạo khoảng 1600 sinh viên.

1.3. Số khóa và số người học của ngành đăng ký đã tốt nghiệp trình độ cử nhân, kỹ sư

Hàng năm nhà trường có khoảng trên 3000 sinh viên đại học tốt nghiệp ra trường. Trong đó, có khoảng trên 200 sinh viên đại học ngành Công nghệ dệt, may và Thiết kế thời trang.

Số khóa đào tạo chính quy ngành Công nghệ dệt, may và ngành Thiết kế thời trang đã ra trường:

Đại học: 6 khóa;

Liên thông Cao đẳng - Đại học: 5 khóa;

Số lượng sinh viên đã tốt nghiệp ngành Công nghệ dệt, may và ngành Thiết kế thời trang là 1848 người như bảng 1 dưới đây.

Bảng 1. Số lượng sinh viên đã tốt nghiệp hệ đại học ngành Công nghệ dệt, may và ngành Thiết kế thời trang của trường ĐHCN Hà Nội (trong 5 năm gần đây).

STT	Hệ, khoá	Số lượng sinh viên tốt nghiệp					
		Công nghệ dệt, may			Thiết kế thời trang		
		Tổng số	Khá, Giỏi	TBK, TB	Tổng số	Khá, Giỏi	TBK, TB
1.	ĐH Khoá 4/2013	41	38	3	19	12	7
2.	ĐH Khoá 5/2014	163	145	18	58	48	10
3.	ĐH Khoá 6/2015	241	217	24	67	52	15
4.	ĐH Khoá 7/2016	231	204	27	71	65	6
5.	ĐH Khoá 8/2017	286	251	35	73	65	8
6.	ĐH Khoá 9/2018	467	445	22	44	34	10
7.	LT CĐ-ĐH K5	61	51	10			
8.	LT CĐ-ĐH K6	22	22	0			
9.	LT CĐ-ĐH K8	1	1	0			
10.	LT CĐ-ĐH K9	1	1	0			
11.	LT CĐ-ĐH K11	2	2	0			
12	Tổng cộng	1516	1377	139	332	276	56

1.4. Tỷ lệ người học có việc làm trong 2 năm gần nhất của ngành đăng ký đào tạo:

Bảng 2. Tỷ lệ người học có việc làm 2 năm gần nhất

Người học tốt nghiệp năm	Tỷ lệ người học có việc làm	
	Ngành Công nghệ Dệt, May	Ngành Thiết kế thời trang
2017(sau 1 năm tốt nghiệp)	96,4 %	93,6%
2018 (ngay sau thời điểm tốt nghiệp)	67,4%	55,9%

2. Đội ngũ giảng viên, cán bộ cơ hữu

- Số lượng giảng viên cơ hữu: 01 phó giáo sư, 04 tiến sĩ; trong đó giảng viên cơ hữu đúng ngành đăng ký đào tạo là 2 người, cùng nhóm ngành đăng ký đào tạo là 03 người và giảng viên của khoa là nghiên cứu sinh sẽ bảo vệ trong năm 2019 là 01 người (dự kiến).

- Số lượng giảng viên thỉnh giảng: 03 phó giáo sư, 05 tiến sĩ, hiện đang làm việc tại Viện Dệt May da giày và thời trang, ĐH Bách khoa Hà Nội.
- Số lượng cán bộ cơ hữu quản lý ngành đào tạo: 01 PGS. TS ngành CN dệt may.
- Giảng viên, kỹ thuật viên, nhân viên cơ hữu hướng dẫn thí nghiệm, thực hành: 5 giảng viên có trình độ thạc sĩ ngành CN vật liệu dệt, may.

3. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

3.4. Phòng học, giảng đường:

Hiện nay, Nhà trường có 3 cơ sở đào tạo ở Hà Nội và Hà Nam với tổng diện tích 50 ha. Các giảng đường, phòng học lý thuyết trên 300 phòng, hệ thống phòng thực hành, thí nghiệm gồm 200 phòng, với trên 2500 máy tính.

3.5. Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành:

Tại khoa Công nghệ May và TKTT hiện có 3 phòng thí nghiệm phục vụ đào tạo ngành Công nghệ Dệt May với nhiều thiết bị hiện đại, cụ thể như sau:

+ Phòng thí nghiệm Vật liệu Dệt May:

Các trang thiết bị chính: Các thiết bị xác định các thông số cấu trúc, cơ học, vật lý và hóa học của sợi, vải và các loại phụ liệu may như cân điện tử xác định khối lượng vật liệu dệt may, thiết bị đo độ dày vải, mật độ sợi, độ rũ, độ bền giặt,... của vật liệu và sản phẩm dệt may cho các học phần Vật liệu mới trong dệt may, Tiêu chuẩn hóa sản phẩm dệt may, Đo lường dệt may, Cấu trúc vải, ...

+ Phòng thí nghiệm Nghiên cứu Thiết kế sản phẩm may:

Các trang thiết bị chính: máy tính và phần mềm hỗ trợ thiết kế sản phẩm may Lectra, thiết bị thêu tự động, các dụng cụ thiết bị đo, thí nghiệm xác định chất lượng sản phẩm may,... được sử dụng để thực hiện các thí nghiệm cho các học phần Nghiên cứu và phát triển sản phẩm dệt may, Thiết kế sản phẩm may trong công nghiệp, Sáng tạo trong dệt may, Tiến bộ trong thiết kế sản phẩm dệt may,...

+ Phòng thí nghiệm Công nghệ may:

Các trang thiết bị chính: các thiết bị may như máy 1 kim điện tử, máy 1 kim đầu dài, máy 2 kim 5 chỉ, 2 kim 4 chỉ và các máy chuyên dùng khác như máy đính cúc, thừa khuyết, di bọ, máy chần Kansai, máy thổi lông vũ,... phục vụ cho nghiên cứu xác định các yếu tố ảnh hưởng, các thông số công nghệ, tối ưu hóa quá trình sản xuất sản phẩm dệt may cũng như các học phần Đo lường dệt may, Tiến bộ trong công nghệ sản xuất dệt may, Tự động hóa trong công nghệ dệt may,...

+ Phòng máy tính:

3 Phòng máy tính gồm 129 máy, được cài đặt các phần mềm cần thiết phục vụ thực

hiện các bài tập, bài thí nghiệm cho các học phần về Thiết kế sản phẩm dệt may trên máy tính, Tự động hóa trong thiết kế sản phẩm dệt may, Thiết kế mẫu cho sản phẩm dệt may công nghiệp, Lập kế hoạch và quản lý sản xuất trên máy tính,...

+ *Xưởng may và chế thử sản phẩm:*

7 xưởng thực hành may được trang bị các thiết bị như máy may điện tử, thiết bị gia công dệt ảm, là ép,... cùng các thiết bị và dụng cụ khác phục vụ cho việc thí nghiệm, thực hành và chế thử sản phẩm dệt may. Phòng thực hành may và chế thử sản phẩm phục vụ cho các học phần Thực hành Công nghệ may 1, 2,3; Thực hành thiết kế mẫu trang phục 1, 2, 3; Nghiên cứu và phát triển sản phẩm dệt may.

+ *Phòng Thiết kế mẫu:*

6 Phòng Thiết kế mẫu được trang bị các phương tiện thiết bị phục vụ quá trình thiết kế kỹ thuật như manocanh, bàn thiết kế, máy chiếu, máy may, ... và các dụng cụ khác. Phòng thực hành thiết kế phục vụ các học phần về thiết kế, sáng tác sản phẩm dệt may, Thiết kế mẫu trang phục; đồ án học phần, đồ án, luận văn tốt nghiệp và các hoạt động nghiên cứu khoa học khác.

+ *Phòng chuẩn bị sản xuất:*

Phòng được trang bị các thiết bị và dụng cụ cho trải, cắt vải, dán dựng,... hiện đại để thực hiện thí nghiệm, thực hành phục vụ các học phần về công nghệ gia công và sản xuất sản phẩm dệt may.

+ *Studio:*

Được trang bị các thiết bị để thiết kế hình ảnh cho sản phẩm dệt may như máy ảnh, nguồn sáng hiệu ứng, các loại khung, đèn rọi,... để phục vụ các học phần về sáng tạo trong dệt may, nghiên cứu và phát triển sản phẩm dệt may.

3.6 Thiết bị phục vụ đào tạo

Bảng 3.3. Thiết bị phục vụ đào tạo

TT	Tên gọi của máy, thiết bị, ký hiệu, mục đích sử dụng	Năm SD	Nước SX	Số lượng	Tên học phần sử dụng	Ghi chú
Phòng thí nghiệm Vật liệu dệt may						
1	Cân điện tử	2016	Trung quốc	1	- Vật liệu mới trong dệt may - Nghiên cứu và phát triển sản phẩm dệt may - Tiêu chuẩn hóa sản phẩm dệt may - Đo lường trong dệt may - Tiện nghi trang phục - Vật liệu dệt may kỹ thuật - Vải không dệt và ứng dụng trong ngành may - Cấu trúc vải - Công nghệ xơ sợi tiên tiến	
2	Kính đếm mật độ sợi Carson	2015	Trung quốc	30		
3	Kính hiển vi điện tử COSMOSMP	2015	Trung quốc	1		
4	Cân phân tích Model PA 214; Hãng sản xuất: OHAUS – Mỹ - Độ chính xác: 0.0001g Thiết bị đo độ dày của vải Model: TF121 Hãng sản xuất: Testex - Dùng để xác định độ dày của các loại vải dệt, sợi dưới điều kiện áp suất nhất định - Dải đo độ dày: 0.01 ~ 25mm (hoặc 0.001 ~ 25mm) - Độ chính xác phép đo: 0.01mm hoặc 0.001 mm - Dải đo diện tích tiếp xúc: 100mm ² , 2000 mm ² , 2500 mm ² , 10000 mm ² - Tải trọng áp lực: 20cN, 100cN, 200cN, 500cN, 2000cN - Thời gian áp lực: 10 giây, 30 giây	2019	Trung quốc	3		
5		2019	Trung quốc	1		

6	Bộ dụng cụ kiểm tra mật độ sợi dọc, ngang; Loại Thủ công: Model: 511B - Được sử dụng để đếm số sợi dọc và sợi ngang trên vải - Độ phóng đại: 10x, 20x - Khoảng đo: 0-50mm	2019	Trung quốc	10		
7	Bộ dụng cụ kiểm tra mật độ sợi dọc, ngang; Loại Tự động: Model: C003- Độ phóng đại: 300 lần.- Tự động tính toán mật độ sợi	2019	Trung quốc	1		
8	Máy giặt công nghiệp Model: UWL Dải công suất: 18 kg	2019	Mỹ	1		
9	Máy đo độ rũ vải Model: TF118 Hãng Sản Xuất: Testex - Cảm biến hình ảnh CCD - Dải đo độ rũ 0 ~ 100% - Độ chính xác +/- 1,5% - Đường kính đĩa mẫu Φ120mm (tùy chọn Φ180mm) - Kích thước của mẫu Φ 240mm (tùy chọn Φ 300mm, Φ 360mm) - Tốc độ quay 10 ~ 120 vòng / phút	2019	Trung quốc	1		
Phòng thí nghiệm Nghiên cứu và thiết kế sản phẩm dệt may						
1	Thước đo nhân trắc	2016	Nhật	1	- Nghiên cứu và phát triển sản phẩm dệt may - Tiêu chuẩn hóa sản phẩm dệt may - Đo lường trong dệt may - Tiện nghi trang phục	Cô Huyền, cô Thắm
2	Máy ảnh CANON	2010	VN	1		Cô Mai Hương
3	Máy sang chi; Nhân hiệu Weijie	2018	Trung Quốc	3		Letco tài trợ 2018
4	Bảng số hóa	2018	TQ	1		
5	Máy trần chun	2003	Nhật	1		

6	Máy trần đề Kansai	2003	Nhật	1	- Vải không dệt và ứng dụng trong ngành may - Sáng tạo trong dệt may - Sản phẩm dệt may thông minh - Phát triển thương hiệu dệt may - Kỹ thuật mới trong thiết kế trang phục	
7	Máy vắt số 2 kim 5 chỉ juki	2003	Nhật	1		
8	Máy 2 kim cơ động Juki	2003	Nhật	1		
9	Máy đính cúc Juki	2003	Nhật	2		
10	Máy thừa khuyết đầu tròn Juki	2003	Nhật	1		
11	Máy thừa khuyết đầu bằng Juki	2003	Nhật	1		
12	Máy thêu lập trình	2015	JAPAN-TQ	1		
13	Máy tính Dell	2018	Trung Quốc	1		
14	Máy đính bộ Điện tử Juki	2003	Nhật	1		

Phòng thí nghiệm Công nghệ dệt may

1	Máy tính Dell	2018	Trung Quốc	1	- Đo lường trong dệt may - Sản phẩm dệt may thông minh - Tiến bộ mới trong công nghệ may - Tự động hóa trong công nghệ dệt may - Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong ngành may - Kỹ thuật mới trong công nghệ hoàn tất dệt may	
2	Máy thừa đầu tròn Điện tử JUKI	2015	Nhật	1		
3	Máy đính bộ ĐT Juki	2015	JAPAN-MALAYSIA	1		
4	Máy đính cúc điện tử Juki	2015	JAPAN-MALAYSIA	2		
5	Máy thừa đầu bằng Điện tử	2015	JAPAN-MALAYSIA	1		
6	Máy in sơ đồ khổ 2m	2010	Trung Quốc	2		Monosof
7	Bảng số hóa	2010	Trung Quốc	1		Monosof
8	Máy in sơ đồ (Công Lan + USB) ; Jindex QQ	2018	Trung Quốc	1		Letco tài trợ 2018

9	Máy may 1 kim thót dài điện tử có lô kéo vải; Nhãn hiệu Hikari,	2018	Trung Quốc	2	Letco tài trợ 2018 Letco tài trợ 2018 Letco tài trợ 2018
10	Máy nhồi bông tự động 2 đầu phun; Nhãn hiệu INNOVICH	2018	Trung Quốc	1	
11	Máy nén khí hiệu Palada, Mã hiệu: PA- 10300 A	2018	Trung Quốc	1	
Phòng cắt					
	Cân	2009	VN	1	- Nghiên cứu và phát triển sản phẩm dệt may - Đo lường trong dệt may - Vải không dệt và ứng dụng trong ngành may - Sáng tạo trong dệt may - Sản phẩm dệt may thông minh - Tiến bộ mới trong công nghệ dệt may
14	Máy cắt vòng	2003	Nhật	1	
11	Máy thừa khuyết đầu tròn	2003	Đức	1	
5	Máy 2 kim cơ động Brother	2003	Nhật	1	
6	Máy cuốn ống Juki	2003	Nhật	1	
7	Máy 1 kim điện tử juki	2003	Nhật	3	
8	Máy cắt pha 7 inh	2003	Nhật	1	
9	Máy cắt phá 8 inh KM	2017	Nhật	1	
10	Máy cắt đầu bàn	2017	TQ	1	
11	Máy ép mex HAHIMA	2017	Nhật	1	
12	Máy ép mex phẳng (dập)	2003	Nhật	1	
13	Máy mài 2 đá	2010	VN	1	
14	Bàn là	2010	HQ	2	
Phòng máy tính 01					
1	Bảng số hóa	2018	TQ	1	- Nghiên cứu và phát triển sản phẩm dệt may - Sáng tạo trong dệt may - Tự động hóa trong công nghệ dệt may
2	Máy tính 19" LG		VN	43	
3	Máy chiếu			1	

Phòng máy tính 02						
1	Bảng số hóa	2018	TQ	1	- Nghiên cứu và phát triển sản phẩm dệt may - Sáng tạo trong dệt may - Tự động hóa trong công nghệ dệt may	Letco tài trợ 2018
2	Máy tính 19" LG		VN	43		
3	Máy chiếu			1		
Phòng máy tính 03						
1	Bảng số hóa	2018	TQ	1	- Nghiên cứu và phát triển sản phẩm dệt may - Sáng tạo trong dệt may - Tự động hóa trong công nghệ dệt may	Letco tài trợ 2018
2	Máy tính 19" LG		VN	43		
3	Máy chiếu			1		
Xưởng may 1						
1	Máy vắt số 2 kim 5 chỉ JuKi MO-6700	2003	Nhật	1	- Khoa học quản lý sản xuất dệt may - Nghiên cứu phát triển sản phẩm dệt may - Tiên bộ mới trong công nghệ dệt may	Letco tài trợ 2018
2	Máy vắt số 2 kim 5 chỉ JuKi MO-6816S	2018	Nhật	1		
3	Bàn là	2010	HQ	2		
4	Marnocanh	2010	TQ	4		
5	Máy may 1 kim điện tử JuKi DDL 900B	2018	Nhật	24		
6	Đầu DVD	2009		1		
7	Máy san chỉ HASAKA	2017	Đài Loan	1		
8	Tivi Lesa	2009		1		

Xưởng may 2					
1	Máy may 1 kim Juki	2003	Nhật	17	- Khoa học quản lý sản xuất dệt may - Nghiên cứu phát triển sản phẩm dệt may - Tiến bộ mới trong công nghệ dệt may Letco tài trợ 2018
2	Máy may 1 kim điện tử Juki	2018	Nhật	5	
3	Máy may 1 kim điện tử Juki	2017	Nhật	2	
4	Máy may 1 kim sirubar	2008	TQ	1	
5	Máy vắt sổ 2 kim 4 chỉ Juki	2003	Nhật	1	
6	Máy vắt sổ 2 kim 4 chỉ sirubar	2004	TQ	2	
7	Máy vắt sổ 2 kim 5 chỉ juki	2018	Nhật	1	
8	Máy san chỉ HASAKA	2017	Đài Loan	1	
9	Tivi Lesa	2009		1	
10	Đầu DVD	2009			
Xưởng may 3					
1	Máy san chỉ HASAKA	2017	VN	1	- Khoa học quản lý sản xuất dệt may - Nghiên cứu phát triển sản phẩm dệt may - Tiến bộ mới trong công nghệ dệt may Letco tài trợ 2018
2	Máy may 1 kim điện tử Juki	2017	Nhật	23	
3	Máy may 1 kim Juki	2012	Nhật	1	
4	Máy vắt sổ 2 kim 4 chỉ Juki	2017	Nhật	1	
5	Máy vắt sổ 2 kim 4 chỉ Juki	2018	Nhật	2	
6	Tivi Lesa	2009		1	
7	Đầu DVD	2009		1	
Xưởng may 4					
1	Máy may 1 kim sirubar	2003	TQ	27	- Khoa học quản lý sản xuất dệt may
2	Máy vắt sổ 2 kim 4 chỉ sirubar	2003	TQ	1	

3	Máy vắt số 2 kim 4 Juki	2003	Nhật	1	- Nghiên cứu phát triển sản phẩm dệt may - Tiến bộ mới trong công nghệ dệt may
4	Máy đánh chỉ	2003	Đài loan	1	
5	Tivi Lesa	2009		1	
6	Đầu DVD	2009		1	
7	Máy san chỉ HASAKA	2017		1	
Xưởng may 5					
1	Máy may 1 kim JuKi	2012	Nhật	19	- Khoa học quản lý sản xuất dệt may - Nghiên cứu phát triển sản phẩm dệt may - Tiến bộ mới trong công nghệ dệt may
2	Máy may 1 kim Siruba	2003	TQ	6	
3	Máy vắt số 2 kim 4 chỉ sirubar	2003	TQ	1	
4	Máy 1 kim điện tử Juki	2017	Nhật	1	
5	Máy đánh chỉ	2013		1	
6	Tivi Lesa	2009		1	
7	Đầu DVD	2009		1	
8	Máy san chỉ HASAKA	2017		1	
Xưởng may 6					
1	Máy may 1 kim sirubar	2008	TQ	24	- Khoa học quản lý sản xuất dệt may - Nghiên cứu phát triển sản phẩm dệt may - Tiến bộ mới trong công nghệ dệt may
2	Máy may 1 kim điện tử JuKi	2003	Nhật	1	
3	Máy may 1 kim điện tử JuKi	2018	Nhật	1	
4	Máy vắt số 2 kim 4 chỉ sirubar	2003	TQ	1	
5	Máy vắt số 2 kim 5 chỉ Juki	2007	Nhật	1	
6	Tivi Lesa	2009		1	
7	Đầu DVD	2009		1	
8	Máy san chỉ HASAKA	2017		1	

Letco tài trợ 2018

Letco tài trợ
2018

Xưởng may 7						
1	Máy may 1 kim điện tử Juki	2015	Nhật	22	- Khoa học quản lý sản xuất dệt may	
2	Máy vắt sổ 2 kim 4 chỉ Juki	2003	Nhật	1	- Nghiên cứu phát triển sản phẩm dệt may	CT Máy 10 Tài trợ
3	Máy vắt sổ 2 kim 5 chỉ Juki	2018	Nhật	4	- Tiến bộ mới trong công nghệ dệt may	
4	Manocanh	2015	VN	13		
5	Tivi Lesa	2009		1		
6	Đầu DVD	2009		1		
7	Máy san chỉ HASAKA	2017		1		
Phòng thiết kế mẫu trang phục						
1	Máy vắt sổ 2 kim 4 chỉ Juki	2003	Nhật	1	- Nghiên cứu phát triển sản phẩm dệt may - Tiến bộ mới trong công nghệ dệt may	
2	Máy may 1 kim điện tử Juki	2015	Nhật	12		
3	Máy may 1 kim điện tử Juki	2015	Nhật	5		
4	Máy may 1 kim điện tử Juki	2017	Nhật	5		
5	Máy vắt sổ 2 kim 5 chỉ Juki	2018	Nhật	1		
6	Manocanh	2012	TQ	27		

3.7. Thư viện sách, giáo trình, sách nghiên cứu, tài liệu tham khảo.

Nhà trường có 3 trung tâm thư viện với tổng diện tích 6.500m² (trong đó diện tích các phòng đọc, nghiên cứu, hội thảo là 4.500 m² và diện tích 2.000 m² kho chứa) với trên 300.000 đầu sách, số đầu sách và giáo trình điện tử với trên 10.000 đơn vị, hệ thống phòng đọc, phòng nghiên cứu, tra cứu tài liệu hiện đại.

Trung tâm sử dụng hệ quản trị thư viện Libol 6.0 (Library Online 6.0), sử dụng công nghệ mã vạch để quản lý hoạt động thư viện. Nhà trường đã xây dựng trang Website thư viện <http://lib.hau.edu.vn/> để phục vụ cho sinh viên. Ngoài ra thư viện của trường còn kết nối với thư viện của Bộ Giáo dục và Đào tạo <http://ebook.moet.gov.vn/> giúp cho sinh viên, học viên của trường tra cứu, sử dụng tài liệu để nghiên cứu và học tập. Hiện trường đang xây dựng đề án thư viện số để mở rộng năng lực phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học cho sinh viên, học viên cao học, NCS và giảng viên.

Hàng năm nhà trường đầu tư hàng tỉ đồng để mua bổ sung và cập nhật sách và tài liệu nhằm tăng vốn đầu sách trong thư viện. Những phòng nghiệp vụ chủ yếu gồm:

a) Phòng đọc tài liệu điện tử

- Số lượng phòng: 2
- Diện tích phòng: 100 m²/phòng
- Nguồn kinh phí xây dựng do Nhà trường đầu tư với tổng mức đầu tư trên 2 tỉ đồng.
- Mục đích sử dụng: Đọc, nghiên cứu các loại tài liệu điện tử; Khai thác các tài liệu điện tử trên mạng Internet; Thực hành, mô phỏng các thí nghiệm qua các phần mềm đã được cài đặt.
- Các trang thiết bị chính: Với 80 máy tính cấu hình cao nối mạng LAN và mạng internet tốc độ cao.
- Danh mục các thiết bị khác kèm theo được ghi trong bảng 4:

Bảng 4. Trang thiết bị tại Trung tâm thư viện.

STT	Tên gọi của máy, thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Ghi chú
1.	Máy tính đồng bộ Fujitsu	80	Đông Nam Á	
2.	Máy sever Fujitsu RX600 S4	3	Đức	
3.	Wiess AIR – AP 1252 AG-A-K9	05	Trung Quốc	
4.	Switch quang: KATALIST WS-C3750G	05	Trung Quốc	
5.	Switch quang: KATALIST CE 500	08	Trung Quốc	
Và nhiều trang thiết bị phục vụ nghe, nhìn, đồng bộ khác,...				

b) Phòng đọc tài liệu tổng hợp

- Diện tích phòng: 500 m²
- Mục đích sử dụng: Đọc các loại tài liệu sách, giáo trình, báo, tạp chí.
- Các trang thiết bị chính: Phòng đọc tài liệu tổng hợp với trên 10.000 đầu sách, báo, tạp chí khoa học. Tổng mức đầu tư trên 1,5 tỉ đồng do Nhà trường đầu tư, phục vụ cùng một lúc trên 500 chỗ ngồi.

c) Phòng hội thảo khoa học

- Số lượng phòng: 03.
- Diện tích phòng: 150 m²/phòng.
- Mục đích sử dụng: Dùng để báo cáo khoa học, hội thảo khoa học, bảo vệ luận văn tốt nghiệp.
- Các trang thiết bị chính: Đầy đủ các trang thiết bị phục vụ hội thảo. Cho phép hội thảo trực tuyến không phân biệt khoảng cách địa lý.

Bảng 5. Danh mục sách, tạp chí phục vụ đào tạo Thạc sĩ Công nghệ Dệt May.

STT	Tên sách, tên tạp chí	Nhà xuất bản/Năm xuất bản	Dạng tài liệu	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
1.	Industrial Cutting of Textile Materials	Woodhead publishing, Elsevier, 2018	Sách	- Tự động hóa trong sản xuất dệt may
2.	Applications of Computer Vision in Fashion and Textiles	Woodhead publishing, Elsevier, 2017	Sách	- Nghiên cứu và phát triển sản phẩm dệt may
3.	Apparel Machinery and Equipments	Woodhead publishing, Elsevier, 2015	Sách	- Tự động hóa trong công nghệ dệt may
4.	Textile and Fashion: Materials, Design and Technology,	Woodhead Publishing Series in Textile, 2015	Sách	- Nghiên cứu và phát triển sản phẩm dệt may - Tự động hóa trong công nghệ dệt may
5.	New product development in textiles	Woodhead Publishing Limited, 2012	Sách	- Nghiên cứu và phát triển sản phẩm dệt may
6.	Managing Quality in	New Age	Sách	- Tiêu chuẩn hóa sản phẩm

Bảng 5. Danh mục sách, tạp chí phục vụ đào tạo Thạc sĩ Công nghệ Dệt May.

STT	Tên sách, tên tạp chí	Nhà xuất bản/Năm xuất bản	Dạng tài liệu	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
	the apparel industry,	international Publishers, 1998.		dệt may
7.	Evaluating apparel Quality, second edition,	fairchild fashion group, Division of Capital Cities Media, Inc. 1991	Sách	- Nghiên cứu và phát triển sản phẩm dệt may
8.	Apparel manufacturing handbook,	Van Nostrand Reinhold Company, 1988.	Sách	- Nghiên cứu và phát triển sản phẩm dệt may
9.	Fabric testing	Woodhead publishing, Elsevier, 2008	Sách	- Tiêu chuẩn hóa sản phẩm dệt may
10.	Science in Clothing Comfort	Woodhead publishing, Elsevier, 2011	Sách	- Tiện nghi trang phục
11.	Advances in apparel production	Woodhead publishing, Elsevier, 2008	Sách	- Kỹ thuật mới trong thiết kế trang phục - Tiến bộ mới trong công nghệ may - Nghiên cứu và phát triển sản phẩm dệt may - Tự động hóa trong công nghệ dệt may
12.	Innovation and technology of women's intimate apparel	Woodhead publishing, Elsevier, 2006	Sách	- Sản phẩm dệt may thông minh
13.	Biomechanical engineering of textiles and clothing	Woodhead publishing, Elsevier, 2006	Sách	- Sản phẩm dệt may thông minh - Tiện nghi trang phục
14.	Buildings, Clothing,	Facts On File, Inc,	Sách	- Nghiên cứu và phát triển

Bảng 5. Danh mục sách, tạp chí phục vụ đào tạo Thạc sĩ Công nghệ Dệt May.

STT	Tên sách, tên tạp chí	Nhà xuất bản/Năm xuất bản	Dạng tài liệu	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
	and Art	2005		sản phẩm dệt may
15.	Clothing biosensory engineering	Woodhead publishing, Elsevier, 2006	Sách	- Sản phẩm dệt may thông minh - Tiện nghi trang phục
16.	Clothing gandhi's nation	indiana University Press, 2006	Sách	- Nghiên cứu và phát triển sản phẩm dệt may
17.	Dress, Distress and Desire	PALGRAVE MACMILLAN, 2005	Sách	- Nghiên cứu và phát triển sản phẩm dệt may
18.	Fashion, Costume, and Culture : Clothing, Headwear, Body Decorations, and Footwear through the Ages	The Gale Group, Inc. 2004	Sách	- Nghiên cứu và phát triển sản phẩm dệt may
19.	Fashionable Technology The Intersection of Design, Fashion, Science, and Technology	Springer-Verlag/Wien. 2008	Sách	- Nghiên cứu và phát triển sản phẩm dệt may
20.	Intelligent textiles and clothing	Woodhead Publishing Limited, 2006	Sách	- Sản phẩm dệt may thông minh
21.	Medieval Clothing and Textiles	THE BOYDELL PRESS, 2006	Sách	- Nghiên cứu và phát triển sản phẩm dệt may
22.	Metric partern cutting for menswear : including unisex clothes and computer aided	Backwell publishing, 2005	Sách	- Kỹ thuật mới trong thiết kế trang phục - Nghiên cứu và phát triển sản phẩm dệt may

Bảng 5. Danh mục sách, tạp chí phục vụ đào tạo Thạc sĩ Công nghệ Dệt May.

STT	Tên sách, tên tạp chí	Nhà xuất bản/Năm xuất bản	Dạng tài liệu	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
	design			
23.	A New World Map in Textiles and Clothing: ADJUSTING TO CHANGE	ORGANISATION FOR ECONOMIC CO-OPERATION AND DEVELOPMENT, 2004	Sách	- Nghiên cứu và phát triển sản phẩm dệt may
24.	Roman military clothing	Osprey publishing, 2003	Sách	- Nghiên cứu và phát triển sản phẩm dệt may
25.	Sizing in clothing Developing: effective sizing systems for ready-to-wear clothing	Woodhead Publishing Limited, 2007	Sách	- Nghiên cứu và phát triển sản phẩm dệt may
26.	Smart Clothing Technology and Applications	CRC Press is an imprint of the Taylor & Francis Group, 2010	Sách	- Sản phẩm dệt may thông minh
27.	Smart fibres, fabrics and clothing	Woodhead Publishing Limited, 2000	Sách	- Sản phẩm dệt may thông minh
28.	The 2000-2005 World Outlook for Men's/boys' Work Clothing	Icon Group Ltd., 2002	Sách	- Nghiên cứu và phát triển sản phẩm dệt may
29.	Transforming Clothing Production into a Demand-driven, Knowledge-based,	Springer, 2009	Sách	- Nghiên cứu và phát triển sản phẩm dệt may

Bảng 5. Danh mục sách, tạp chí phục vụ đào tạo Thạc sĩ Công nghệ Dệt May.

STT	Tên sách, tên tạp chí	Nhà xuất bản/Năm xuất bản	Dạng tài liệu	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
	High-tech Industry			
30.	Ergonomic Handbook for the Clothing Industry	Union of Needletrades, Industrial and Textile Employees, the Institute for Work & Health, and the Occupational Health Clinics for Ontario Workers, Inc., 2001	Sách	- Nghiên cứu và phát triển sản phẩm dệt may
31.	Fashion Marketing	A John Wiley & Sons, Ltd., Publication, 2009	Sách	- Nghiên cứu và phát triển sản phẩm dệt may
32.	HANDBOOK ON CLOTHING: Biomedical Effects of Military Clothing and Equipment Systems	The International Conference of Environmental Ergonomics, 2007	Sách	- Nghiên cứu và phát triển sản phẩm dệt may
33.	HANDBOOK OF TECHNICAL TEXTILES	Woodhead Publishing Limited, 2000	Sách	- Nghiên cứu và phát triển sản phẩm dệt may
34.	KAIZEN: CHÌA KHÓA CỦA SỰ THÀNH CÔNG trong quản lý của Nhật Bản	MASAAKI IMAI C.P.VIỆT NAM 8/23/2010	Sách	- Nghiên cứu và phát triển sản phẩm dệt may
35.	Structure and mechanics of woven	Woodhead Publishing	Sách	- Vật liệu mới trong dệt may

Bảng 5. Danh mục sách, tạp chí phục vụ đào tạo Thạc sĩ Công nghệ Dệt May.

STT	Tên sách, tên tạp chí	Nhà xuất bản/Năm xuất bản	Dạng tài liệu	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
	fabrics	Limited, 2004		
36.	Care labelling for clothing and textile products	ACCC, 2011	Sách	- Nghiên cứu và phát triển sản phẩm dệt may
37.	Nano Materials	New Age international Publishers, 2008	Sách	- Vật liệu mới trong dệt may
38.	Coated and laminated textiles	Woodhead Publishing Limited, 2002	Sách	- Vật liệu mới trong dệt may
39.	Coated textiles : Principle and application	Technomic Publishing Company, Inc., 2001	Sách	- Vật liệu mới trong dệt may
40.	Complete textile Glosssary	Celanese Acetate LLC., 2001	Sách	- Vật liệu mới trong dệt may
41.	Composites forming technologies	Woodhead Publishing Limited, 2007	Sách	- Tiến bộ kỹ thuật trong công nghệ dệt - Vật liệu mới trong dệt may
42.	Digital printing of textiles	Woodhead Publishing Limited, 2006	Sách	- Tiến bộ kỹ thuật trong công nghệ dệt - Vật liệu mới trong dệt may
43.	Environmental aspects of textile dyeing	Woodhead Publishing Limited, 2006	Sách	- Sinh thái môi trường dệt may
44.	HANDBOOK OF TECHNICAL TEXTILES	Woodhead Publishing Limited, 2000	Sách	- Nghiên cứu và phát triển sản phẩm dệt may
45.	KNITTING	Woodhead	Sách	- Tiến bộ mới trong công

Bảng 5. Danh mục sách, tạp chí phục vụ đào tạo Thạc sĩ Công nghệ Dệt May.

STT	Tên sách, tên tạp chí	Nhà xuất bản/Năm xuất bản	Dạng tài liệu	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
	TECHNOLOGY: A comprehensive handbook and practical guide	Publishing Limited, 2001		nghệ dệt - Nghiên cứu và phát triển sản phẩm dệt may
46.	Physical testing of textiles	Woodhead Publishing Limited, 1999	Sách	- Vật liệu mới trong dệt may
47.	Shape memory polymers and textiles	Woodhead Publishing Limited, 2007	Sách	- Vật liệu mới trong dệt may
48.	Textile Printing	Society of Dyers and Colourists, 2003	Sách	- Kỹ thuật mới trong công nghệ hoàn tất dệt may - Vật liệu mới trong dệt may
49.	Textile composites and inflatable structures	Springer, 2005	Sách	- Kỹ thuật mới trong công nghệ hoàn tất dệt may - Vật liệu mới trong dệt may
50.	Yarn texturing technology	Woodhead Publishing Limited, 2001	Sách	- Tiến bộ kỹ thuật trong công nghệ sợi
51.	Cotton: Science and technology	Woodhead Publishing Limited, 2007	Sách	- Kỹ thuật mới trong công nghệ hoàn tất dệt may - Vật liệu mới trong dệt may
52.	Chemistry & Technology of Fabric Preparation & Finishing	Department of textile engineering chemistry and science college of textiles North Carolina state	Sách	- Kỹ thuật mới trong công nghệ hoàn tất dệt may - Vật liệu mới trong dệt may

Bảng 5. Danh mục sách, tạp chí phục vụ đào tạo Thạc sĩ Công nghệ Dệt May.

STT	Tên sách, tên tạp chí	Nhà xuất bản/Năm xuất bản	Dạng tài liệu	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
		university, 1992		
53.	Chemical testing of textiles	Woodhead Publishing Limited, 2005	Sách	- Kỹ thuật mới trong công nghệ hoàn tất dệt may - Vật liệu mới trong dệt may
54.	Công nghệ may 1	NXB Giáo dục, 2013	Sách	- Tiến bộ mới trong công nghệ may - Kỹ thuật mới trong thiết kế trang phục
55.	Công nghệ may 2	NXB Giáo dục, 2014	Sách	- Tiến bộ mới trong công nghệ may - Kỹ thuật mới trong thiết kế trang phục
56.	Công nghệ may 3	NXB Giáo dục, 2014	Sách	- Tiến bộ mới trong công nghệ may - Kỹ thuật mới trong thiết kế trang phục
57.	Mỹ thuật trang phục	NXB Đại học Sư phạm. 2015	Sách	- Nghiên cứu và phát triển sản phẩm dệt may
58.	Thiết bị may công nghiệp	NXB Giáo dục, 2013	Sách	- Tiến bộ mới trong công nghệ may
59.	Thiết kế trang phục 3	NXB Đại học Sư phạm. 2015	Sách	- Nghiên cứu và phát triển sản phẩm dệt may - Kỹ thuật mới trong thiết kế trang phục
60.	Thiết kế trang phục 2	NXB Đại học Sư phạm. 2015	Sách	- Nghiên cứu và phát triển sản phẩm dệt may - Kỹ thuật mới trong thiết kế trang phục

Bảng 5. Danh mục sách, tạp chí phục vụ đào tạo Thạc sĩ Công nghệ Dệt May.

STT	Tên sách, tên tạp chí	Nhà xuất bản/Năm xuất bản	Dạng tài liệu	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
61.	Thiết kế trang phục 1	NXB Đại học Sư phạm. 2013	Sách	- Nghiên cứu và phát triển sản phẩm dệt may - Kỹ thuật mới trong thiết kế trang phục
62.	Kỹ thuật cắt may	NXB Đà Nẵng, 2000	Sách	- Nghiên cứu và phát triển sản phẩm dệt may - Kỹ thuật mới trong thiết kế trang phục
63.	Vật liệu may	NXB Thống kê, 2015	Sách	- Nghiên cứu và phát triển sản phẩm dệt may
64.	Xử lý hoàn tất sản phẩm may	NXB Giáo dục, 2013	Sách	- Nghiên cứu và phát triển sản phẩm dệt may
65.	Thiết kế và giác sơ đồ trên máy tính	NXB Giáo dục, 2014	Sách	- Nghiên cứu và phát triển sản phẩm dệt may - Kỹ thuật mới trong thiết kế trang phục
66.	Kỹ thuật may cơ bản	NXB Giáo dục Việt Nam, 2017	Sách	- Nghiên cứu và phát triển sản phẩm dệt may
67.	Nhấn đường may	NXB Giáo dục Việt Nam, 2017	Sách	- Tiến bộ mới trong công nghệ may
68.	Quản lý chất lượng trang phục	NXB Giáo dục Việt Nam, 2011	Sách	- Tiêu chuẩn hóa sản phẩm dệt may
69.	Thiết bị may công nghiệp	NXB Giáo dục Việt Nam, 2013	Sách	- Tự động hóa trong công nghệ dệt may
70.	Tổ chức sản xuất và định mức kỹ thuật ngành may	NXB Giáo dục Việt Nam, 2017	Sách	- Khoa học quản lý sản xuất trong dệt may
71.	Nhân trắc học Écgonomi	NXB Giáo dục Việt Nam, 2016	Sách	- Tiến bộ trong thiết kế kỹ thuật sản phẩm dệt may - Sáng tạo trong dệt may - Nghiên cứu và phát triển

Bảng 5. Danh mục sách, tạp chí phục vụ đào tạo Thạc sĩ Công nghệ Dệt May.

STT	Tên sách, tên tạp chí	Nhà xuất bản/Năm xuất bản	Dạng tài liệu	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
				sản phẩm dệt may
72.	Cơ sở thẩm mỹ	NXB Giáo dục Việt Nam, 2013	Sách	- Nghiên cứu và phát triển sản phẩm dệt may - Phân tích và dự báo xu hướng thời trang
73.	Vẽ mỹ thuật	NXB Giáo dục Việt Nam, 2013	Sách	- Nghiên cứu và phát triển sản phẩm dệt may
74.	Lịch sử thời trang	NXB Giáo dục Việt Nam, 2013	Sách	- Nghiên cứu và phát triển sản phẩm dệt may - Phân tích và dự báo xu hướng thời trang - Sáng tạo trong dệt may
75.	Hình họa 1	NXB Sư Phạm Hà nội, 2015	Sách	- Nghiên cứu và phát triển sản phẩm dệt may - Sáng tạo trong dệt may
76.	Hình họa 2	NXB Sư Phạm Hà nội, 2015	Sách	- Nghiên cứu và phát triển sản phẩm dệt may - Sáng tạo trong dệt may
77.	Hình họa màu	NXB Giáo dục Việt Nam, 2012	Sách	- Nghiên cứu và phát triển sản phẩm dệt may - Sáng tạo trong dệt may
78.	Ký họa	NXB Giáo dục Việt Nam, 2012	Sách	- Nghiên cứu và phát triển sản phẩm dệt may - Sáng tạo trong dệt may
79.	Cơ sở thiết kế thời trang	NXB Giáo dục Việt Nam, 2013	Sách	- Nghiên cứu và phát triển sản phẩm dệt may - Phân tích và dự báo xu hướng thời trang - Sáng tạo trong dệt may
80.	Chuẩn bị dệt	NXB Đại học Bách khoa Hà nội,	Sách	- Tiến bộ trong công nghệ dệt may

Bảng 5. Danh mục sách, tạp chí phục vụ đào tạo Thạc sĩ Công nghệ Dệt May.

STT	Tên sách, tên tạp chí	Nhà xuất bản/Năm xuất bản	Dạng tài liệu	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
		2016		
81.	Công nghệ không dệt	NXB Đại học Bách khoa Hà nội, 2014	Sách	- Vải không dệt và ứng dụng trong ngành may
82.	Các phương pháp kéo sợi mới	NXB Đại học Bách khoa Hà nội, 2017	Sách	- Công nghệ xơ sợi tiên tiến
83.	Xơ dệt tính năng cao	NXB Đại học Bách khoa Hà nội, 2016	Sách	- Công nghệ xơ sợi tiên tiến
84.	Công nghệ làm sạch đẹp sợi bông và sợi sen	NXB Đại học Bách khoa Hà nội, 2017	Sách	- Công nghệ xơ sợi tiên tiến
85.	Sử dụng Chitosan Việt nam để hoàn tất kháng khuẩn cho vải bông	NXB Bách khoa Hà nội, 2016	Sách	- Sản phẩm dệt may thông minh (chức năng) - Vật liệu mới trong dệt may -
86.	Công nghệ xử lý hóa học vật liệu dệt	NXB Bách khoa Hà nội, 2016	Sách	- Kỹ thuật mới trong công nghệ hoàn tất dệt may

3.8. Mạng công nghệ thông tin

Ứng dụng đồng bộ các giải pháp công nghệ thông tin trong quản lý vận hành, quản lý khai thác và quản lý phát triển nhà trường với Trung tâm công nghệ Thông tin.

Toàn bộ các máy tính ở phòng làm việc và phòng học được nối mạng Internet. Hệ thống wifi đầy đủ trong khuôn viên trường.

Toàn bộ kế hoạch giảng dạy, thời khóa biểu, danh sách sinh viên các lớp và các hoạt động phục vụ, thanh tra - kiểm tra đào tạo được cập nhật, quản lý và vận hành trên trang đại học điện tử của nhà trường.

Toàn bộ thông tin về cán bộ, viên chức, giảng viên, phòng ban và các khoa cũng như các thông báo, kế hoạch, thư nội bộ,... được thực hiện, quản lý và vận hành trên trang thông tin điện tử egov.vn của trường.

Trang thông tin điện tử của trường và trung tâm đào tạo sau đại học được cập nhật thường xuyên, công bố công khai cam kết đảm bảo chất lượng giáo dục; công khai danh sách đội ngũ giảng viên cơ hữu, giảng viên thỉnh giảng; học viên trúng tuyển, tốt nghiệp và tỷ lệ tốt nghiệp so với đầu vào theo các khóa học, ngành học; công khai mức thu học phí và chi phí đào tạo thạc sĩ của trường.

3.9. Cơ sở thực hành, thực tập ngoài khoa đào tạo (nếu có)

Khoa có mối liên hệ, hợp tác với trên 30 doanh nghiệp ngành Dệt May trong nước và nước ngoài tại Việt Nam. Trong đó có các đối tác hợp tác chiến lược như Tập đoàn Maxport Việt Nam, tập đoàn Esquel Việt Nam, Tổng công ty May Đức Giang, Tổng công ty May10, Hiệp hội Dệt May Việt Nam,...

Đây là điều kiện rất tốt để có thể thực hiện các hoạt động thực tập, thực hành và triển khai các nghiên cứu có liên quan đến thực tế sản xuất tại doanh nghiệp Dệt, May.

4. Hoạt động nghiên cứu khoa học

4.4. Đề tài khoa học đã thực hiện trong 5 năm gần nhất tính đến ngày Khoa đào tạo đề nghị mở ngành.

Các đề tài nghiên cứu khoa học của cán bộ cơ hữu tham gia giảng dạy được thể hiện trong bảng 6.

Bảng 6. Các đề tài khoa học liên quan đến ngành, chuyên ngành đăng ký đào tạo đã và đang thực hiện.

STT	Tên đề tài	Tác giả	Cấp quyết định, mã số	Số QĐ, /ngày nghiệm thu	Kết quả nghiệm thu
1.	<i>Nghiên cứu và xây dựng quy trình công nghệ xử lý kháng khuẩn cho khăn giấy cao cấp từ nguồn tinh dầu thực vật có nguồn gốc Việt Nam</i>	Lưu Thị Tho (chủ nhiệm)	Bộ , 2018		Xuất sắc
2.	<i>Nghiên cứu một số phương pháp tạo hình vật liệu thời trang trong đào tạo chuyên ngành thiết kế thời trang</i>	Vũ Huyền Trang (chủ nhiệm)		7/11/2018	Khá

Bảng 6. Các đề tài khoa học liên quan đến ngành, chuyên ngành đăng ký đào tạo đã và đang thực hiện.

STT	Tên đề tài	Tác giả	Cấp quyết định, mã số	Số QĐ, /ngày nghiệm thu	Kết quả nghiệm thu
3.	<i>Nghiên cứu ảnh hưởng của chất liên kết ngang tới độ bền kháng khuẩn của vải bông sau xử lý bằng Chitosan</i>	Lưu Thị Tho (chủ nhiệm)	Trường, 2017		Xuất sắc
4.	<i>Nghiên cứu ảnh hưởng của khối lượng phân tử Chitosan tới khả năng kháng khuẩn của vải bông được xử lý bằng Chitosan.</i>	Lưu Thị Tho (chủ nhiệm)	Trường, 2016		Xuất sắc
5.	<i>Nghiên cứu thiết lập chương trình phần mềm lập kế hoạch và tác nghiệp sản xuất trong may công nghiệp</i>	Nguyễn Thị Lệ (chủ nhiệm)	B2009-01-255 Bộ Giáo dục và Đào tạo	6/7/2011	Tốt
6.	<i>Nghiên cứu ảnh hưởng của sắc màu và cường độ màu tới khả năng ngăn ngừa tia tử ngoại trên vải bông,</i>	Lưu Thị Tho (chủ nhiệm)	Trường, mã số: 91.11/HĐ-KHCN	2011	Tốt
7.	<i>Nghiên cứu, đề xuất phương án tính định mức tiêu hao nguyên liệu và xây dựng phần mềm tính toán phù hợp với đơn hàng FOB ngành công nghiệp may</i>	Nguyễn Thị Sinh (chủ nhiệm)	Cấp Bộ, 2014	04/02/2015	Xuất sắc
8.	<i>Nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của xử lý chiếu xạ tới khối lượng phân tử của Chitosan ứng dụng trong</i>	Lưu Thị Tho (chủ nhiệm)	Trường, 2015	574/QĐ-ĐHKTKT CN	Xuất sắc

Bảng 6. Các đề tài khoa học liên quan đến ngành, chuyên ngành đăng ký đào tạo đã và đang thực hiện.

STT	Tên đề tài	Tác giả	Cấp quyết định, mã số	Số QĐ, /ngày nghiệm thu	Kết quả nghiệm thu
	<i>ngành dệt.</i>				
9.	<i>Nghiên cứu xu hướng thời trang trong chuyên ngành thiết kế thời trang</i>	Nguyễn Thị Loan (chủ nhiệm)	Cấp trường 2015, ĐHCNHN	17/3/2016	Đạt
10.	<i>Nghiên cứu dự báo đặc tính rũ của vải bông dệt thoi ứng dụng mạng nơ ron nhân tạo</i>	Nguyễn Thị Lệ (chủ nhiệm)	Cấp trường T2015	25/12/2015	Xuất sắc
11.	<i>Nghiên cứu chất liệu vải Gấm ứng dụng vào trang phục công sở dành cho nữ</i>	Nguyễn Thị Quỳnh Mai (chủ nhiệm)	Cấp trường 2014, ĐHCNHN	20/3/2014	Khá
12.	<i>Nghiên cứu thiết kế, chế tạo thiết bị đo quét biên dạng các chi tiết bằng quét Laser 3D để sử dụng trong công nghiệp</i>	Nguyễn Thị Lệ (tham gia, thư ký)	B2012-01-33 Bộ Giáo dục và Đào tạo	8/6/2015	Tốt
13.	<i>Quản lý phát triển chương trình đào tạo chuyên ngành Công nghệ May-Tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội</i>	Nguyễn Thị Sinh (chủ nhiệm)	Cấp trường 2014, ĐHCNHN	20/3/2014	khá
14.	<i>Nghiên cứu ứng dụng mạng nơron nhân tạo để dự báo các vấn đề gây nên bởi vải trong sản xuất may CN</i>	Nguyễn Thị Lệ (tham gia chính)	B2010-21-24 Bộ Giáo dục và Đào tạo	17/1/2013	Tốt
15.	<i>Nghiên cứu hội họa Ấn tượng trong thiết kế trang phục nữ</i>	Nguyễn Thị Loan	Trường, 2013	26/2/2014	Khá

Bảng 6. Các đề tài khoa học liên quan đến ngành, chuyên ngành đăng ký đào tạo đã và đang thực hiện.

STT	Tên đề tài	Tác giả	Cấp quyết định, mã số	Số QĐ, /ngày nghiệm thu	Kết quả nghiệm thu
	<i>tuổi từ 18 đến 25</i>	(chủ nhiệm)			
16.	<i>Nghiên cứu lịch sử phát triển trang phục áo cánh dân tộc Việt Nam, ứng dụng thiết kế áo cánh hiện đại cho nữ</i>	Đặng Thu Hương (chủ nhiệm)	Cấp trường 2013, ĐHCNHN	11/4/2014	Khá
17.	<i>Nghiên cứu sản xuất áo sơ mi từ một số loại vải sinh thái nhuộm bằng chất màu tự nhiên</i>	Nguyễn Trọng Tuấn (chủ nhiệm)	Cấp trường 28.2012.R D/HĐ-ĐHCN	Biên bản thanh lý HĐ ngày 15/11/2013	Đạt
18.	<i>Nghiên cứu khả năng chống tia UV của thuốc nhuộm trên vải bông,</i>	Lưu Thị Tho	Trường, mã số:30.10/HĐ-KHCN	30.10/HĐ-KHCN	Xuất sắc
19.	<i>Nghiên cứu thiết lập chương trình dự báo độ nhăn đường may ứng dụng mạng nơron nhân tạo</i>	Nguyễn Thị Lệ (chủ nhiệm)	T2008-74 Cấp trường ĐHBKHN	14/12/2008	Tốt
20.	<i>Nghiên cứu thiết kế, chế tạo thiết bị đo độ nhăn đường may</i>	Nguyễn Thị Lệ (chủ nhiệm)	B2005-28-187, Bộ GD & ĐT	16/3/2007	Tốt
21.	<i>Sử dụng công nghệ hình ảnh hỗ trợ trong hướng dẫn thực hành công nghệ may</i>	Nguyễn Thị Sinh (chủ nhiệm)	Cấp trường 2006, ĐHCNHN	21/3/2007	Khá
22.	<i>Nghiên cứu ảnh hưởng của</i>	Nguyễn	T2002-44	16/12/2002	Tốt

Bảng 6. Các đề tài khoa học liên quan đến ngành, chuyên ngành đăng ký đào tạo đã và đang thực hiện.

STT	Tên đề tài	Tác giả	Cấp quyết định, mã số	Số QĐ, /ngày nghiệm thu	Kết quả nghiệm thu
	<i>một số thông số công nghệ tối quá trình gia công nhiệt ẩm</i>	Thị Lệ (chủ nhiệm)	Cấp trường ĐHBKHN		
23.	<i>Xây dựng hệ thống cơ sở cơ thể nữ sinh viên trường Đại học Công nghiệp Hà Nội để ứng dụng thiết kế quần áo</i>	Phạm Thị Huyền (chủ nhiệm)	Trường, 2018	Đang thực hiện	Chưa nghiệm thu
24.	<i>Đề tài Mai hoa đang thực hiện</i>	Nguyễn Thị Mai Hoa (chủ nhiệm)	Trường, 2018	Đang thực hiện	Chưa nghiệm thu

4.5. Các hướng nghiên cứu đề tài luận văn và dự kiến người hướng dẫn kèm theo.

Các hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu có thể tiếp nhận hướng dẫn học viên cao học thực hiện luận văn thạc sĩ của các cán bộ tham gia đào tạo được ghi trong bảng 7.

Bảng 7. Các hướng nghiên cứu đề tài luận văn và số lượng học viên có thể tiếp nhận hướng dẫn

STT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu có thể tiếp nhận hướng dẫn học viên cao học	Họ tên, học vị, chức danh người hướng dẫn luận văn cao học	Số học viên tiếp nhận
1.	Dự báo đánh giá của người dùng sản phẩm dệt may ứng dụng mô hình Logistic	PGS. TS Nguyễn Thị Lệ TS. Phạm Minh Hiếu	1 1
2.	Nghiên cứu và phát triển sản phẩm dệt may nhuộm bằng chất màu tự nhiên	PGS. TS Nguyễn Thị Lệ TS Nguyễn Ngọc Thắng	1 02

Bảng 7. Các hướng nghiên cứu đề tài luận văn và số lượng học viên có thể tiếp nhận hướng dẫn

STT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu có thể tiếp nhận hướng dẫn học viên cao học	Họ tên, học vị, chức danh người hướng dẫn luận văn cao học	Số học viên tiếp nhận
3.	Nghiên cứu và phát triển sản phẩm trang phục hỗ trợ cho phụ nữ mang thai	PGS. TS Nguyễn Thị Lệ	1
		TS Nguyễn Thị Thúy Ngọc	1
4.	Nghiên cứu và phát triển sản phẩm dùng một lần từ vải không dệt	PGS. TS Nguyễn Thị Lệ	02
		PGS. TS Nguyễn Nhật Trinh	1
		TS Nguyễn Như Tùng	1
5.	Nghiên cứu và phát triển sản phẩm dệt may hiệu năng cao	PGS. TS Phạm Thị Minh Huệ	1
		TS Lưu Thị Tho	02
		PGS. TS Nguyễn Nhật Trinh	1
		TS Giản Thị Thu Hường	01
6.	Xác định lượng tiêu hao chỉ trong may công nghiệp	PGS. TS Nguyễn Thị Lệ	01
7.	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng tới lượng tiêu hao vải trong may công nghiệp	PGS. TS Nguyễn Thị Lệ	1
		TS Phạm Minh Hiếu	1
8.	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng đường may	PGS. TS Nguyễn Thị Lệ	2
		TS Nguyễn Như Tùng	1
9.	Tối ưu các thông số điều kiện may trên quan điểm tối thiểu nhân đường may	PGS. TS Nguyễn Thị Lệ	1
10.	Đánh giá khả năng may của chỉ	TS Nguyễn Ngọc	2

Bảng 7. Các hướng nghiên cứu đề tài luận văn và số lượng học viên có thể tiếp nhận hướng dẫn

STT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu có thể tiếp nhận hướng dẫn học viên cao học	Họ tên, học vị, chức danh người hướng dẫn luận văn cao học	Số học viên tiếp nhận
		Chính TS Nguyễn Như Tùng	1
11.	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng tới khả năng may của chỉ	TS Nguyễn Ngọc Chính	01
12.	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng tới đánh giá của người dùng sản phẩm dệt may	TS Phạm Minh Hiếu	01
13.	Tối ưu các thông số của quá trình dán dựng	PGS. TS Nguyễn Nhật Trinh	1
14.	Nghiên cứu ứng dụng AI trong dự báo xu hướng thời trang trong may trong công nghiệp	PGS. TS Nguyễn Thị Lệ	1
15.	Nghiên cứu thiết lập phần mềm hỗ trợ xác định thời gian chuẩn trong may công nghiệp	PGS. TS Nguyễn Thị Lệ PGS. TS Phạm Thị Minh Huệ	1 1
16.	Nghiên cứu dự báo độ rủ của vải PES ứng dụng mạng nơ ron nhân tạo	PGS. TS Nguyễn Thị Lệ	01
17.	Nghiên cứu đặc điểm nhân trắc cơ thể người Việt Nam	PGS. TS Nguyễn Thị Lệ TS Nguyễn Ngọc Chính	03 1
18.	Xây dựng hệ thống cỡ số cơ thể người Việt Nam	TS Nguyễn Thị Thúy Ngọc PGS. TS Lã Thị Ngọc Anh	03 02

Bảng 7. Các hướng nghiên cứu đề tài luận văn và số lượng học viên có thể tiếp nhận hướng dẫn

STT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu có thể tiếp nhận hướng dẫn học viên cao học	Họ tên, học vị, chức danh người hướng dẫn luận văn cao học	Số học viên tiếp nhận
19.	Xây dựng hệ thống cỡ số sản phẩm áo ngực nữ Việt nam	PGS. TS Nguyễn Thị Lệ	1
		PGS. TS Nguyễn Nhật Trinh	1
20.	Nghiên cứu đặc điểm nhân trắc học cơ thể người Việt Nam	PGS. TS Lã Thị Ngọc Anh	02
21.	Nghiên cứu dự báo đặc tính uốn của vải	PGS. TS Nguyễn Thị Lệ	1
22.	Nghiên cứu xác định khổ vải tối ưu trong sản xuất may công nghiệp	PGS. TS Nguyễn Thị Lệ	1
		TS Phạm Minh Hiếu	1
23.	Nghiên cứu tối ưu thông số công nghệ của quá trình hàn nối tạo đường liên kết trên sản phẩm may	PGS. TS Nguyễn Minh Tuấn	1
24.	Xác định mối quan hệ giữa thông số cấu trúc và đặc trưng cơ học của chỉ	PGS. TS Trần Minh Nam	1
		TS Nguyễn Như Tùng	1
25.	Nghiên cứu dự báo đặc tính rũ của vải	PGS. TS Nguyễn Thị Lệ	1
26.	ảnh hưởng của đặc tính xù lông vón cục tới đánh giá của người dùng sản phẩm dệt may	PGS. TS Nguyễn Minh Tuấn	02
27.	Nghiên cứu sự biến đổi đặc điểm nhân trắc của phụ nữ Việt Nam trong quá mang thai	PGS. TS Nguyễn Thị Lệ	1
28.	Nghiên cứu đặc điểm tiêu dùng sản phẩm dệt may trên thị trường Việt Nam	TS Nguyễn Như Tùng	1
		PGS. TS Nguyễn Thị Lệ	1

Bảng 7. Các hướng nghiên cứu đề tài luận văn và số lượng học viên có thể tiếp nhận hướng dẫn

STT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu có thể tiếp nhận hướng dẫn học viên cao học	Họ tên, học vị, chức danh người hướng dẫn luận văn cao học	Số học viên tiếp nhận
		Lệ	
29.	Nghiên cứu thiết lập phần mềm hỗ trợ tác nghiệp và quản lý sản xuất trong ngành dệt may	PGS. TS Nguyễn Thị Lệ	1
30.	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến tính tiện nghi của sản phẩm dệt may	TS Phạm Minh Hiếu PGS. TS Nguyễn Minh Tuấn	1 2
31.	Xác định áp lực tiện nghi của các sản phẩm quần áo bó sát	PGS. TS Nguyễn Thị Lệ	02
32.	Giải pháp nâng cao năng suất trong nhà máy Dệt May	TS Nguyễn Như Tùng	1
33.	Nghiên cứu giải pháp nâng cao năng lực nghiên cứu và phát triển sản phẩm dệt may trong công nghiệp	TS Phạm Minh Hiếu TS Trần Thủy Bình	1 1
34.	ảnh hưởng của thông số vải dệt kim tới chất lượng đường may	TS Lưu Thị Tho PGS. TS Phạm Thị Minh Huệ	1 1
35.	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng vải dệt kim	TS Lưu Thị Tho	02
36.	Tổng số		96

4.6. Các công trình đã công bố của giảng viên, nghiên cứu viên hữu cơ.

Bảng 8. Các công trình công bố của cán bộ cơ hữu thuộc chuyên ngành đăng ký đào tạo trong 5 năm gần đây.

STT	Tên công trình	Tên tác giả	Nguồn công bố
1	<i>Effect of molecular weight of chitosan on antibacterial activity of cotton fabrics treated by chitosan.</i>	Lưu Thị Tho	Journal of Science & Technology technical universities, No.93-2013.
2	<i>Nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của xử lý chiếu xạ tia gamma tới trọng lượng phân tử của chitosan.</i>	Lưu Thị Tho	Tạp chí Hóa học, tháng 8 năm 2013, T.51(4ISSN 0866 - 7144
3	<i>Mô hình hóa và mô phỏng quá trình trao đổi nhiệt-ẩm trong thiết bị sấy vải quả sử dụng năng lượng khí sinh học SBOG-150</i>	Phạm Thị Minh Huệ, Trần Như Khuyên	Kỷ yếu Hội nghị KH và công nghệ toàn Quốc về Cơ khí lần thứ III, 2013, ISBN:978-604-67-0061-6
4	<i>Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo bộ phận chuyển đổi năng lượng khí sinh học thành năng lượng nhiệt trong hệ thống thiết bị sấy SBOG – 150</i>	Phạm Thị Minh Huệ, Nguyễn Văn Thịnh	Tạp chí Khoa học Công nghệ Trường Đại Học Công nghiệp Hà Nội, 2013 ISSN:1859-3585
5	<i>Sấy vải lớp mỏng xác định độ giảm ẩm của vải quả và hệ số thoát ẩm trong quá trình sấy.</i>	Phạm Thị Minh Huệ, Nguyễn Văn Thịnh	Hội nghị Khoa học lần thứ VII Câu lạc bộ Cơ khí Động Lực- <i>Tạp chí Cơ khí Việt Nam</i> , 2014, ISSN: 0866-7056
6	<i>Sử dụng năng lượng khí sinh học để sấy vải quả</i>	Phạm Thị Minh Huệ, Nguyễn Văn Thịnh	Hội nghị Khoa học lần thứ VII câu lạc bộ Cơ khí Động Lực- <i>Tạp chí Cơ khí Việt Nam</i> , 2014 , ISSN: 0866-7056
7	<i>Effect of Molecular Weight of Chitosan on the Antibacterial Durability of Cotton Fabrics after Treatment by Chitosan.</i>	Lưu Thị Tho	The 15th International Symposium on Eco-materials Processing and Design, 2014
8	<i>Effect of Cross-Linker On The Antibacterial Durability of Cotton Fabrics After</i>	Lưu Thị Tho	ISBN 978-1-84626-P-CFT-8. Proceedings of The 89th Textile Institute World

Bảng 8. Các công trình công bố của cán bộ cơ hữu thuộc chuyên ngành đăng ký đào tạo trong 5 năm gần đây.

STT	Tên công trình	Tên tác giả	Nguồn công bố
	<i>Treatment by Chitosan.</i>		Conference Wuhan, P. R. China, 2014
9	<i>Tách các phân đoạn chitosan chiếu xạ bằng màng siêu lọc và khả năng ứng dụng chúng trong hoàn tất vải bông.</i>	Lưu Thị Tho	Tạp chí Hóa học, tháng 06 năm 2014, T.52(3).
10	<i>Thiết kế 3D và 2D sản phẩm áo váy thời trang đối tượng học sinh nữ tiểu học từ dữ liệu quét 3D cơ thể người sử dụng trong sản xuất may công nghiệp Việt Nam.</i>	Đinh Mai Hương, Phan Thanh Thảo	Tạp chí Khoa học và Công nghệ các trường ĐH Kỹ thuật, 2014
11	<i>Construction and application of a virtual CNC milling simulation system In Education and Training</i>	Yung-Chou Kao, Nhu-Tung Nguyen*, Mau-Sheng Chen Shin-Tzong Su	Proceedings of the 2nd international Conference on Green Technology & Sustainable Development 2014 (GTSD14), PAPER ID-182, pp. 504-510, Nov. 30-31, 2014, Vietnam.
12	<i>A prediction method of cutting force coefficients with the helix angle of flat-end cutter and its application in a virtual three-axis milling simulation system</i>	Yung-Chou Kao, Nhu-Tung Nguyen* Mau-Sheng Chen Shin-Tzong Su	The International Journal of Advanced Manufacturing Technology, Vol. 77, Issue. 9-12, pp 1793-1809. SCI, 2015
13	<i>A combination method of the theory and experiment in determination of cutting force coefficients in ball-end mill processes</i>	Yung-Chou Kao Nhu-TungNguyen* Mau-ShengChen Shyh-ChourHuang	Journal of Computational Design and Engineering, 2(4), 233-247. Scopus, 2015
14	<i>A prediction method of dynamic cutting force in the milling process of S45C by flat-end mill cutter</i>	Nhu-TungNguyen* Yung-Chou Kao Mau-ShengChen Shyh-	CRC Press/Balkema (Taylor & Francis Group). EI. 2015

Bảng 8. Các công trình công bố của cán bộ cơ hữu thuộc chuyên ngành đăng ký đào tạo trong 5 năm gần đây.

STT	Tên công trình	Tên tác giả	Nguồn công bố
		ChourHuang	
15	<i>An experimental method of the cutting force coefficient estimation of grey cast iron FC25</i>	Nhu-TungNguyen* Yung-Chou Kao Mau-ShengChen Shyh-ChourHuang	CRC Press/Balkema (Taylor & Francis Group). EI. 2015
16	<i>An experimental method of the cutting force coefficient estimation of grey cast iron FC25</i>	Nhu-TungNguyen* Yung-Chou Kao Mau-ShengChen Shyh-ChourHuang	International Conference on Applied Mechanics, Materials, and Structural Engineering (ICAMMSE 2015), paper ID: CH#235, 25-26 January, 2015, Changzhou, China
17	<i>A prediction method of dynamic cutting force in the milling process of S45C by flat-end mill cutter</i>	Nhu-TungNguyen* Yung-Chou Kao Mau-ShengChen Shyh-ChourHuang	International Conference on Advanced Materials and Engineering Structural Technology (ICAMEST 2015), paper ID: APR#231, April 25-26, 2015, 2015, Qingdao, China.
18	<i>Development of Virtual CNC milling system with the integration of cutting force simulation system and its applications in training</i>	Yung-Chou Kao Nhu-TungNguyen* Mau-ShengChen	Proceedings of the 38th International MATADOR Conference on Advanced Manufacturing, paper ID: 4072, 29 March 2015, Taiwan.
19	<i>Study effects of guiding chamber on welding pressure in hollow extrusion die design of Al7075</i>	Đỗ Anh Tuấn Nguyễn Như Tùng	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, 54 (5A), 2016, trang 191-200
20	<i>A combination method of the theory and experiment in determination of cutting force coefficients in ball-end mill processes</i>	Yung-Chou Kao Nhu-TungNguyen* Mau-ShengChen Shyh-ChourHuang	Proceedings of the 4th International Symposium of Computational Numerical Control Machining (CNCM

Bảng 8. Các công trình công bố của cán bộ cơ hữu thuộc chuyên ngành đăng ký đào tạo trong 5 năm gần đây.

STT	Tên công trình	Tên tác giả	Nguồn công bố
			2015), 3-5 June, 2015, Hong Kong, China.
21	<i>Study effects of guiding chamber on welding pressure in hollow extrusion die design of AA7075</i>	Đỗ Anh Tuấn Nguyễn Như Tùng	STAM2016-120, 14 December, 2016
22	<i>Modelling of dynamic cutting force and vibration when manufacturing in CNC machine using flat-end tool</i>	Nguyễn Như Tùng Đỗ Anh Tuấn	PROCEEDINGS OF THE NATIONAL SCIENCE AND TECHNOLOGY CONFERENCE ON MECHANICAL – TRANSPORTATION ENGINEERING (NSCMET 2016), NHÀ XUẤT BẢN BÁCH KHOA HÀ NỘI, ISBN: 978-604-95-0041-1, October 13, 2016, Page 3-10
23	<i>Study on the guiding chamber effect on welding pressure in hollow extrusion die design</i>	Đỗ Anh Tuấn Nguyễn Như Tùng	PROCEEDINGS OF THE NATIONAL SCIENCE AND TECHNOLOGY CONFERENCE ON MECHANICAL – TRANSPORTATION ENGINEERING (NSCMET 2016), NHÀ XUẤT BẢN BÁCH KHOA HÀ NỘI, ISBN: 978-604-95-0040-4, October 13, 2016, Paper ID CK4.066, Page 380-386
24	<i>Dự báo đặc tính rủ của vải bông dệt thoi ứng dụng mạng nơ ron nhân tạo</i>	Nguyễn Thị Lệ	Tạp chí Cơ khí Việt nam, ISSN 0866- 7056, số 4/2016
25	<i>Ảnh hưởng của thông số cuộn vải tới độ hao hụt trái vải</i>	Nguyễn Thị Lệ	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, ĐHSPTK HY, ISSN 2354-0575, số 9, 2016.
26	<i>Ảnh hưởng của thông số cấu trúc tới tính uốn của vải bông dệt thoi</i>	Nguyễn Thị Lệ	Tạp chí Cơ khí Việt nam, ISSN 0866- 7056, số 5/2016
27	<i>Ảnh hưởng của thông số cấu trúc vải và lượng dư</i>	Nguyễn Thị Lệ, Trương Thị	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, ĐHSPTK HY, ISSN

Bảng 8. Các công trình công bố của cán bộ cơ hữu thuộc chuyên ngành đăng ký đào tạo trong 5 năm gần đây.

STT	Tên công trình	Tên tác giả	Nguồn công bố
	<i>thiết kế đến độ tiện nghi cử động và vừa vặn của bộ quần áo Aerobic</i>	Hoàng Yến	2354-0575, số 10/2016
28	<i>Effect of seams on drape behaviour of cotton woven fabrics</i>	Nguyen Thi Le	UTEHY Journal of Science and Technology , ISSN 2354-0575, số 12/2016
29	<i>Đánh giá các tính chất của vải cotton nhuộm bằng chất màu tự nhiên</i>	Nguyễn Trọng Tuấn, Hoàng Thị Lĩnh, Phạm Thị Hồng Phượng	Tạp chí khoa học và Công nghệ, 2016
30	<i>Nghiên cứu một số tính chất của vải dũi tơ tằm nhuộm bằng chất màu tự nhiên</i>	Nguyễn Trọng Tuấn, Hoàng Thị Lĩnh, Hoàng Thị Thu Lan	Tạp chí Cơ khí Việt nam, 2016
31	<i>Xây dựng công thức các đường cong ngang lưới cơ sở chân váy nữ sinh Việt Nam sử dụng công nghệ 3D</i>	Nguyễn Thanh Tùng, Trần Thị Minh Kiều	Tạp chí cơ khí Việt nam, 10/2016
32	<i>Tính định mức tiêu hao nguyên liệu đơn hàng bán đứt ngành Công nghiệp May bằng phần mềm ứng dụng Công nghệ thông tin</i>	Nguyễn Thị Sinh	Tạp chí KH&CN, trường Đại học Công nghiệp Hà nội số 35, tháng 8/2016
33	<i>Nghệ thuật vải gấm Việt Nam</i>	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	Tạp chí văn hóa nghệ thuật, Số 380 (2/2016)
34	<i>Yếu tố nghệ thuật trong tạo tác giá trị vải gấm</i>	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	Tạp chí văn hóa nghệ thuật, Số 381 (3/2016)
35	<i>Cơ sở hình thành một và chu trình một- thời trang</i>	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	Tạp chí Giáo dục Nghệ thuật, Số 17 (5/2016)
36	<i>Làng nghề dệt gấm lụa Việt Nam</i>	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	Diễn đàn Văn nghệ Việt Nam, Số 256 (5/2016)
37	<i>Nghiên cứu khai thác công năng thiết bị kéo nén vụn năng thủy lực Bestutm 50 tấn phục vụ đào tạo</i>	Phạm Thị Minh Huệ	Tạp chí Khoa học Công nghệ Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, 2016, ISSN:1859-3585
38	<i>Kiểm tra ổn định thanh mảnh chịu nén trên thiết bị kéo nén vụn năng thủy lực</i>	Phạm Thị Minh Huệ	Hội nghị khoa học lần thứ 9- Câu lạc bộ CKĐL; Tạp chí Cơ khí Việt Nam, 2016, ISSN:

Bảng 8. Các công trình công bố của cán bộ cơ hữu thuộc chuyên ngành đăng ký đào tạo trong 5 năm gần đây.

STT	Tên công trình	Tên tác giả	Nguồn công bố
	<i>Bestutm 500kN</i>		0866-7056
39	<i>Nghiên cứu ảnh hưởng của tải trọng, vận tốc đến độ võng và góc xoay của dầm khi uốn đàn hồi</i>	Phạm Thị Minh Huệ	Hội nghị khoa học lần thứ 9- Câu lạc bộ CKDL, 2016, <i>Tạp chí Cơ khí Việt Nam</i> , ISSN: 0866-7056
40	<i>Nghiên cứu sự ảnh hưởng của chế độ cắt đến độ bền cứng bề mặt khi phay gang xám gx15-32</i>	Phạm Thị Minh Huệ, Nguyễn Thị Kim Tuyền	Tạp chí Khoa học Công nghệ Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, 2016, ISSN:1859-3585
41	<i>Nghiên cứu tối ưu các thông số đến đặc tính cơ lý thép trên máy kéo Bestutm 490 kN</i>	Phạm Thị Minh Huệ	Kỷ yếu Hội nghị khoa học và Công nghệ toàn quốc về Cơ khí – Động lực 2016, ISBN:978-604-95-0041-1
42	<i>Nghiên cứu ảnh hưởng của một số thông số đến chất lượng long nhãn sử dụng khí biogas</i>	Phạm Thị Minh Huệ	Kỷ yếu Hội nghị khoa học và Công nghệ toàn quốc về Cơ khí – Động lực 2016, ISBN:978-604-95-0041-1
43	<i>Effect analysis on pressure drop of the continuous regeneration-diesel particulate filter based on NO₂ assisted regeneration. Applied Thermal Engineering</i>	Pham Minh Hieu, Jiaqiang E, Wei Zuo, Junxu Gao, Qingguo Peng, Zhiqing Zhang	Applied Thermal Engineering, SCI, 2016:100: 356-66
44	<i>Numerical investigation on the combustion characteristics of non-premixed hydrogen-air in a novel micro-combustor.</i>	Pham Minh Hieu, Jiaqiang E, Qingguo Peng, Xiaohuan Zhao, Wei Zuo, Zhiqing Zhang	Applied Thermal Engineering, SCI, 2017:110: 665-77.
45	<i>Effects of fatty acid methyl esters proportion on combustion and emission characteristics of a biodiesel fueled marine diesel engine.</i>	Pham Minh Hieu, Zhiqing Zhang, Jiaqiang E, Yuanwang Deng, Wei Zuo, Qingguo Peng, Zibin Yin	Energy Conversion and Management, SCI, 2017: 159: 244-253.

Bảng 8. Các công trình công bố của cán bộ cơ hữu thuộc chuyên ngành đăng ký đào tạo trong 5 năm gần đây.

STT	Tên công trình	Tên tác giả	Nguồn công bố
46	<i>Effect of different technologies on combustion and emissions of the dieselengine fueled with biodiesel: A review</i>	Pham Minh Hieu, Jiaqiang E, D. Zhao, Yuanwang Deng, DucHieu Le, Wei Zuo, Hao Zhu, Teng Liu, Qingguo Peng, Zhiqing Zhang	Renewable and Sustainable Energy Reviews, SCI, 2017: 80: 620-47
47	<i>Gear Fault Diagnosis Method Based on LCD Multi-scale Permutation Entropy and RBF Network.</i>	Pham Minh Hieu, DucHieu Le, Junsheng Cheng, Yu Yang, VanTrong Thai	Journal of Computation and Theoretical Nanoscience, 2017
48	<i>Nghiên cứu ảnh hưởng của chiều dài váy bó đến đánh giá của người dùng thử ứng dụng mô hình Logistic</i>	Nguyễn Thị Lệ	Tạp chí Cơ khí Việt nam, ISSN 0866- 7056, số 6/2017
49	<i>Nghiên cứu thiết lập phần mềm lập kế hoạch sản xuất trong may công nghiệp</i>	Nguyễn Thị Lệ	Tạp chí Cơ khí Việt nam, ISSN 0866- 7056, số 6/2017
50	<i>Dự báo độ tiện nghi vận động của váy bó ứng dụng mạng noron nhân tạo</i>	Nguyễn Thị Lệ	Tạp chí Cơ khí Việt nam, ISSN 0866- 7056, số 8/2017
51	<i>Nghiên cứu thiết lập phần mềm tác nghiệp sản xuất trong may công nghiệp</i>	Nguyễn Thị Lệ	Tạp chí Cơ khí Việt nam, ISSN 0866- 7056, số 8/2017
52	<i>Ảnh hưởng của thông số cấu trúc tới đặc tính trượt của vải bông dệt thoi</i>	Nguyễn Thị Lệ	Tạp chí Cơ khí Việt nam, ISSN 0866- 7056, số 8/2017
53	<i>Ảnh hưởng của thuốc nhuộm và nồng độ sử dụng chúng tới khả năng kháng tia UV của vải</i>	Lưu Thị Tho	Tạp chí Khoa học Công nghệ - Trường Đại học Xây Dựng, 2017
54	<i>Nghiên cứu khảo sát một số tính chất ảnh hưởng của vải không dệt để tạo khăn ướt cao cấp</i>	Lưu Thị Tho	Tạp chí Khoa học Công nghệ - Trường Đại học Công Nghiệp, 2017
55	<i>Research on the effect of</i>	Hong Phuong	Viện Kỹ thuật nhiệt đới -

Bảng 8. Các công trình công bố của cán bộ cơ hữu thuộc chuyên ngành đăng ký đào tạo trong 5 năm gần đây.

STT	Tên công trình	Tên tác giả	Nguồn công bố
	<i>dyeing cotton with the aqueous extract of jackfruit leaves (Artocarpus heterophyllus, L)</i>	Phạm Thị, Han Uyen Tran Nguyễn, Linh Hoang Thi, Tuan Nguyễn Trong, Tan Vu Duc, Thu Lan Nguyen Thi	ITT, The 6th Asian Symposium on Advanced Materials: Chemistry, Physics & Biomedicine of Functional and Novel Materials (ASAM-6), Trang 757, 2017.
56	<i>Sự khác biệt giữa gấm hiện đại và gấm truyền thống</i>	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	Tạp chí Diễn đàn Văn nghệ Việt Nam. Số 267 (tháng 4/2017), trang 64- 66.
57	<i>Yêu cầu trong thiết kế trang phục công sở</i>	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	Tạp chí Văn hóa nghệ thuật. Số 400 (tháng 10/2017), tr 63-65.
58	<i>Trang trí hoa văn trên sản phẩm tơ tằm làng Vạn Phúc</i>	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	Tạp chí Văn Hóa Học. Số 6 (34) (Tháng 11,12/2017), tr 71- 74.
59	<i>Thiên nhiên trong nghệ thuật tạo hình trang phục của người Việt</i>	Nguyễn Thị Loan	Tạp chí văn hóa nghệ thuật, 2/2017
60	<i>Nghiên cứu ảnh hưởng của quy trình thao tác may tới năng suất của chuyền may sản phẩm áo Polo-shirt dệt kim.</i>	Đinh Mai Hương Hà Thị Thơm Phan Thanh Thảo	Tạp chí Khoa học Công nghệ Đại học Công nghiệp Hà Nội, 2017.
61	<i>Áp dụng một số công cụ sản xuất tinh gọn nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất trong chuyền may sản phẩm chất liệu dệt kim</i>	Đinh Mai Hương Đương Thị Mai Phan Thanh Thảo	Tạp chí Khoa học Công nghệ Đại học Công nghiệp Hà Nội, 2017.
62	<i>Implement a Modified Viscoplasticity Based on Overstress Model into Numerical Simulation of the Incremental Sheet Forming Process</i>	Lê Văn Sỹ, Phạm Thị Minh Huệ	<i>Proceedings of Advanced Engineering – Theory and Applications (AETA 2016), Springer International Publishing AG, 2017, ISSN: 1876-1100</i>
63	<i>Nghiên cứu cực tiểu hoá độ nhám theo phương pháp Taguchi khi gia công bề mặt nghiêng trên máy phay CNC</i>	Phạm Thị Minh Huệ, Nguyễn Trọng Hùng, Lê Văn Toàn	Tạp chí Khoa học Công nghệ Đại học Công nghiệp Hà Nội, 2017, ISSN:1859-3585

Bảng 8. Các công trình công bố của cán bộ cơ hữu thuộc chuyên ngành đăng ký đào tạo trong 5 năm gần đây.

STT	Tên công trình	Tên tác giả	Nguồn công bố
64	Nghiên cứu đặc tính truyền động của hệ thống truyền động vô cấp thủy – cơ	Nguyễn Văn Thịnh Phạm Thị Minh Huệ,	Tạp chí Khoa học Công nghệ Đại học Công nghiệp Hà Nội, 2017, ISSN:1859-3585
65	Nghiên cứu đề xuất quy trình công nghệ sấy long nhãn xoáy sử dụng năng lượng khí sinh học (Biogas)	Phạm Thị Minh Huệ	Tạp chí Khoa học Công nghệ Đại học Công nghiệp Hà Nội, 2017, ISSN:1859-3585
66	Nâng cao độ chính xác của các phép đo trên máy kéo nén vụn năng suất 50 tấn	Phạm Thị Minh Huệ	Tạp chí Công nghiệp nông thôn. 2017, ISSN: 1859- 4026
67	Tính toán thiết kế cánh turbines gió trục ngang phục vụ trong nuôi trồng thủy sản	Phạm Thị Minh Huệ, Bùi Ngọc Ánh	Tạp chí Khoa học Công nghệ Đại học Công nghiệp Hà Nội, 2017, ISSN:1859-3585
68	Khảo sát mức tiêu thụ nhiên liệu trên động cơ hyundai sonata 2.0 LPG	Nguyễn Văn Thịnh, Phạm Thị Minh Huệ	Tạp chí Khoa học Công nghệ Đại học Công nghiệp Hà Nội.2017, ISSN:1859-3585
69	Nghiên cứu sự ảnh hưởng của chế độ cắt đến độ nhám bề mặt khi tiện vật liệu SUS 304	Phạm Thị Minh Huệ, Phạm Minh Thế	Tạp chí Khoa học Công nghệ Đại học Xây dựng, 2017, ISSN: 1859-2996
70	Sử dụng năng lượng khí sinh học (Biogas) để áp trũng gia cầm	Phạm Thị Minh Huệ	Hội nghị Khoa học và công nghệ lần thứ 10, Câu lạc bộ Cơ khí – Động lực.Tạp chí Khoa học Công nghệ Đại học Xây dựng, 2017, ISSN: 1859-2996
71	Nghiên cứu một số yếu tố ảnh hưởng tới quá trình chuyển số của hộp số vô cấp thủy - cơ	Nguyễn Văn Thịnh, Phạm Thị Minh Huệ	Hội nghị Khoa học và công nghệ lần thứ 10 Câu lạc bộ Cơ khí – Động lực.Tạp chí Khoa học Công nghệ Đại học Xây dựng. 2017, ISSN: 1859-2996
72	Nghiên cứu các thông số công nghệ để nâng cao chất lượng gừng sấy trên thiết bị sấy	Phạm Thị Minh Huệ	Tạp chí Cơ Khí Việt Nam số 6 năm 2017, ISSN: 0866-7056

Bảng 8. Các công trình công bố của cán bộ cơ hữu thuộc chuyên ngành đăng ký đào tạo trong 5 năm gần đây.

STT	Tên công trình	Tên tác giả	Nguồn công bố
	<i>tĩnh vĩ ngang</i>		
73	<i>Ứng dụng phương pháp tối ưu tổng quát Harrington E.C trong nghiên cứu thực nghiệm máy sấy vải quả SBOG-150</i>	Phạm Thị Minh Huệ, Trần Như Khuyên	Tạp chí Công nghiệp nông thôn số /T8, 2017, ISSN: 1859- 4026
74	<i>Nghiên cứu ảnh hưởng của thông số công nghệ đến độ nhám theo phương pháp Taguchi khi cắt dây tia lửa điện bề mặt phẳng</i>	Phạm Thị Minh Huệ, Hoàng Văn Nam, Nguyễn Trọng Hùng, Trần Mạnh Hình	Tạp chí Khoa học Công nghệ Đại học Công nghiệp Hà Nội, 2017, ISSN:1859-3585
75	<i>Xác định các thông số tối ưu của máy thái cỏ làm thức ăn cho bò TC- 5,0</i>	Cao Đăng Đáng, Trần Như Khuyên, Phạm Thị Minh Huệ	Tạp chí Khoa học Công nghệ Đại học Công nghiệp Hà Nội, 2017, ISSN:1859-3585
76	<i>Ứng dụng nhân trắc học trong thiết kế trang phục</i>	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	Tạp chí Giáo dục Nghệ thuật, số 23, 2017, ISSN: 1859 – 4964.
77	<i>Nghệ thuật trang trí trên sản phẩm dệt tơ tằm Việt Nam</i>	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	Kỷ yếu “Hội nghị NCKH của nghiên cứu sinh 2017”, số 2/2018, ISBN: 978-604-77-5265-2
78	<i>Investigation of A5052 aluminum alloy to SS400 steel by mig welding process</i>	Quoc Manh Nguyen, Huong Thao Dang Thi, Van Thinh Nguyen, Minh Hue Pham Thi, Khac Thong Nguyen, Shyh-Chour Huang, Van Nhat Nguyen	Proceedings of Scientific Committee of the International Conference on Advances in Computational Mechanics, Acome, 2017, ISBN 978-981-10-7148-5; ISSN 2195-4356, https://doi.org/10.1007/978-981-10-7149-2_44 ; ,
79	<i>Predicting the effect of cutting parameters and helix angle of solid end mill to surface roughness when cutting on a CNC 5-axis</i>	Hoàng Tiến Dũng Trần Đức Quý Nguyễn Văn Thiện, Nguyễn Như Tùng	Proceeding of the 5th National Conference on Mechanical Science & Technology, ISBN: 978-604-67-1103-2, Hanoi,

Bảng 8. Các công trình công bố của cán bộ cơ hữu thuộc chuyên ngành đăng ký đào tạo trong 5 năm gần đây.

STT	Tên công trình	Tên tác giả	Nguồn công bố
	<i>machining center</i>	Nguyễn Văn Quê	October 5th, 2018, Page 49-55.
80	<i>Studying the influence of technological parameters on surface roughness when machining C45 steel on CNC milling machine</i>	Đỗ Anh Tuấn Trần Thế Văn Nguyễn Như Tùng	Proceeding of the 5th National Conference on Mechanical Science & Technology, ISBN: 978-604-67-1103-2, Hanoi, October 5th, 2018, Page 203-212
81	<i>Determining the cutting force coefficients of FC25 grey iron when machining by a flat-end milling on CNC milling machine</i>	Nguyễn Như Tùng Hoàng Tiến Dũng Bùi Gia Thịnh Đỗ Anh Tuấn Nguyễn Quận	Proceeding of the 5th National Conference on Mechanical Science & Technology, ISBN: 978-604-67-1103-2, Hanoi, October 5th, 2018, Page 465-474
82	<i>Experimental design and performance analysis when using the flank milling to machine the thin wall of aluminum alloy</i>	Nguyễn Như Tùng Trần Đức Quý Hoàng Tiến Dũng Nguyễn Văn Thiện	Proceeding of the 5th National Conference on Mechanical Science & Technology, ISBN: 978-604-67-1103-2, Hanoi, October 5th, 2018, Page 639-649
83	<i>Inverse determination of maximum heat flux and welding size in laser spot welding</i>	Nguyễn Quận Nguyễn Như Tùng Bùi Gia Thịnh Nguyễn Quốc Mạnh Đỗ Anh Tuấn	Proceeding of the 5th National Conference on Mechanical Science & Technology, ISBN: 978-604-67-1103-2, Hanoi, October 5th, 2018, Page 717-724.
84	<i>Surface roughness measurement using a polymer-based capacity micromachined ultrasonic transducer</i>	Bùi Gia Thịnh Nguyễn Như Tùng Nguyễn Quận Đỗ Anh Tuấn	Proceeding of the 5th National Conference on Mechanical Science & Technology, ISBN: 978-604-67-1103-2, Hanoi, October 5th, 2018, Page 1177-1183.
85	<i>An experimental research of</i>	Nguyễn Như	Proceeding of the 5th

Bảng 8. Các công trình công bố của cán bộ cơ hữu thuộc chuyên ngành đăng ký đào tạo trong 5 năm gần đây.

STT	Tên công trình	Tên tác giả	Nguồn công bố
	<i>drying the agricultural products and herbs to evaluate and complete the electric-solar integrated dryer</i>	Tùng Phạm Thanh Loan Nguyễn Đức Lợi	National Conference on Mechanical Science & Technology, ISBN: 978-604-67-1103-2, Hanoi, October 5th, 2018, Page 1448-1457.
86	<i>An Experimental Investigation of dynamic cutting Forces in the stable milling processes</i>	Nhu-Tung Nguyen Yung-Chou Kao Gia Thịnh Bui Quan Nguyen Quoc-Manh Nguyen The-Vinh Do	In International Conference on Engineering Research and Applications (pp. 158-166). Springer, Cham
87	<i>Effects of injection timing and injection pressure on performance and exhaust emissions of a common rail diesel engine fueled by various concentrations of fish-oil biodiesel</i>	Pham Minh Hieu	Energy, 2018
88	<i>Investigation on the applicability for reaction rates adjustment of the optimized biodiesel skeletal mechanism.</i>	Pham Minh Hieu	Energy, 2018
89	<i>Effects of fatty acid methyl esters proportion on combustion and emission characteristics of a biodiesel fueled marine diesel engine</i>	Pham Minh Hieu	Energy Conversion and Management , 2018
90	<i>Sấy long nhãn đã bóc vỏ sử dụng không khí nóng đối lưu cưỡng bức</i>	Phạm Thị Minh Huệ, Keoheuangpaseut samlanexay	Tạp chí Khoa học Công nghệ Đại học Công nghiệp Hà Nội, 2018, ISSN:1859-3585
91	<i>Ứng dụng tối ưu hóa hàm hồi quy xác định các thông</i>	Phạm Thị Minh Huệ, Nguyễn Văn	Kỷ yếu Hội nghị Khoa học và công nghệ toàn Quốc về Cơ

Bảng 8. Các công trình công bố của cán bộ cơ hữu thuộc chuyên ngành đăng ký đào tạo trong 5 năm gần đây.

STT	Tên công trình	Tên tác giả	Nguồn công bố
	<i>số của thiết bị SBOG-150 sấy long nhãn xoáy sử dụng năng lượng Biogas</i>	Thịnh, Nguyễn Văn Hữu, Phạm Văn Đông, Trần Thị Thu Thủy	khí lần thứ V. 2018, ISBN:978-604-67-1103-2
92	<i>Một số kết quả nghiên cứu thực nghiệm sấy tỏi trong hệ thống thiết bị sấy SBOG-150 sử dụng năng lượng biogas</i>	Nguyễn Văn Thịnh, Phạm Thị Minh Huệ, Nguyễn Quốc Mạnh	Kỷ yếu Hội nghị Khoa học và công nghệ toàn Quốc về Cơ khí lần thứ V. 2018, ISBN:978-604-67-1103-2
	<i>Tính hiện đại của màu sắc trang phục nữ truyền thống dân tộc Pà Thẻn</i>	Nguyễn Phương Việt	Tạp chí Văn hoá nghệ thuật, ISSN: Số 408 (tháng 6/2018), tr 18-21
93	<i>Investigation on the applicability for reaction rates adjustment of the optimized biodiesel skeletal mechanism</i>	Pham Minh Hieu, Teng Liu, Jiaqiang E*, W.M. Yang, Yuangwang Deng*, H. An, Zhiqing Zhang	Energy, SCI, 2018, 150: 1031-1038
94	<i>Effects of injection timing and injection pressure on performance and exhaust emissions of a common rail diesel engine fueled by various concentrations of fish-oil biodiesel.</i>	Pham Minh Hieu, Jiaqiang E, Yuanwang Deng, Tuanngia Nguyen, Vinh Nguyen Duy, Duc Hieu Le, Wei Zuo, Qingguo Peng, Zhiqing Zhang	Energy, SCI, 2018, 149: 979-989
95	<i>Xây dựng quy trình thao tác hợp lý may sản phẩm áo Polo-Shirt nam chất liệu dệt kim tại Việt Nam</i>	Đinh Mai Hương Dương Công Lực Phan Thanh Thảo	Kỷ yếu Hội nghị Khoa học toàn Quốc về Dệt May lần thứ 1, 2018
96	<i>Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong ngành công nghiệp may</i>	Nguyễn Thị Lệ, Phạm Minh Hiếu, Phạm Thị Minh	Tạp chí Khoa học công nghệ, số 52, 2019, ISSN:1859-3585

Bảng 8. Các công trình công bố của cán bộ cơ hữu thuộc chuyên ngành đăng ký đào tạo trong 5 năm gần đây.

STT	Tên công trình	Tên tác giả	Nguồn công bố
		Huệ, Nguyễn Như Tùng	
97	Mối quan hệ giữa đường kính chỉ cho đường may 301 và nhấn đường may do sự ép chặt cấu trúc vải	Nguyễn Thị Lệ, Phạm Minh Hiếu, Phạm Thị Minh Huệ, Nguyễn Như Tùng	Tạp chí cơ khí Việt nam, 3/2019
98	Nghiên cứu ảnh hưởng của nồng độ thuốc nhuộm hoạt tính Eriofast cho vải polyamid	Lưu Thị Tho, Phạm Minh Hiếu, Phạm Thị Minh Huệ, Nguyễn Như Tùng, Nguyễn Trọng Tuấn, Nguyễn Gia Linh	Tạp chí Khoa học công nghệ, số 52, 2019, ISSN:1859-3585

5. Hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học

Cùng với xu thế hội nhập quốc tế, được sự ủng hộ của Ban lãnh đạo Nhà trường đã tạo điều kiện cho khoa hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp và các trường đại học nước ngoài. Ký hợp tác với Công ty lực Hợp Sinh, Bắc Kinh, Trung Quốc trong dự án HaUI- Modasoft trong 5 năm (2010 – 2015) “Nghiên cứu, ứng dụng và Việt hóa phần mềm Modasoft” dùng trong ngành May – Thời trang.

Tham gia dự án với Tổ chức Batik (CH Pháp) trong khuôn khổ hỗ trợ đào tạo chuyên môn cho đội ngũ Giảng viên ngành Công nghệ may và Thiết kế Thời trang. Liên hệ với một số trường Đại học nước ngoài như Đại học Đông Hoa (Thượng Hải) về ngành CN May – TKTT; Đại học Jungwon (Hàn Quốc) về lĩnh vực làm đẹp, Học viện thời trang cao cấp Napoli (Italia) về lĩnh vực Thời trang,...làm cơ sở cho kế hoạch liên kết đào tạo trong tương lai. Nhà trường ký hợp tác với Công ty phần mềm LECTRA (CH Pháp) năm 2015. Công ty LECTRA cung cấp và cài đặt cho khoa 25 phần mềm bản quyền phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học trong ngành Dệt May và Thời trang.

Trường ký bản ghi nhớ MOU với Trường Đại học Kỹ thuật Kwantlen, Canada (KPU) vào 1/2019 và có kế hoạch chiến lược cho việc hợp tác trong đào tạo và nghiên cứu khoa học của ngành Công nghệ dệt, may và thiết kế thời trang.

Phần 3. Chương trình và kế hoạch đào tạo

1. Chương trình đào tạo

Tên ngành đăng ký đào tạo:	Công nghệ dệt, may
Mã ngành đào tạo:	8540204
Tên chương trình đào tạo:	Thạc sĩ Công nghệ dệt, may
Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
Hình thức đào tạo:	Giáo dục chính quy

Căn cứ xây dựng chương trình đào tạo:

- Quyết định số 508/QĐ-ĐHCN ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành trình độ thạc sĩ, tiến sĩ.
- Quyết định số 630/QĐ-ĐHCN ngày 18/6/2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Hà Nội về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ tại trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

1.1. Mục tiêu đào tạo

1.1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo thạc sĩ Công nghệ dệt, may có phẩm chất đạo đức và đạo đức nghề nghiệp tốt, có trình độ chuyên môn cao, có thể làm chủ kiến thức khoa học và công nghệ liên quan đến Công nghệ dệt, may. Thạc sĩ Công nghệ dệt, may có phương pháp tư duy hệ thống, tư duy phản biện, khả năng tiếp cận, tổ chức và giải quyết tốt những vấn đề khoa học và kỹ thuật của ngành Công nghệ dệt, may với vai trò của chuyên gia; có khả năng nghiên cứu khoa học độc lập với phương pháp sáng tạo; khả năng thích ứng với môi trường kinh tế-xã hội toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, có khả năng tự đào tạo và tham gia các chương trình đào tạo trong nước và quốc tế để đạt trình độ cao hơn.

1.1.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi học xong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Công nghệ dệt, may tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, người học có khả năng:

MT1: Có kiến thức chuyên sâu phục vụ nghiên cứu khoa học, triển khai ứng dụng về công nghệ sản xuất trong ngành dệt may và khả năng học tập ở trình độ cao hơn;

MT2: Có các kiến thức về vật liệu mới trong dệt may; công nghệ sản xuất xơ sợi tiên tiến; tiêu chuẩn hóa sản phẩm dệt may/đo lường trong dệt may; tiện nghi trang phục hoặc an toàn và phát triển bền vững trong dệt may;

MT3: Có kiến thức chuyên ngành công nghệ mới về dệt may thuộc các lĩnh vực: Nghiên cứu và phát triển sản phẩm, công nghệ gia công, công nghệ sản xuất và tổ chức sản xuất sản phẩm dệt may; các kiến thức nâng cao cho việc nghiên cứu, phát triển, ứng dụng các công nghệ, thiết bị mới trong ngành dệt may;

MT4: Có kỹ năng nghiên cứu độc lập, phát triển và thử nghiệm giải pháp mới, kỹ thuật mới, công nghệ mới vào lĩnh vực dệt may; xây dựng, quản lý và triển khai dự án, tiếp nhận và chuyển giao công nghệ mới liên quan đến lĩnh vực dệt may; phân tích và giải quyết được các vấn đề kỹ thuật phức tạp, thường xảy ra thuộc ngành công nghệ dệt may; làm việc độc lập, làm việc nhóm trong môi trường liên ngành, đa văn hóa, đa quốc gia;

MT5: Có hiểu biết về kinh tế, chính trị phù hợp với ngành được đào tạo để đóng góp hữu hiệu vào sự phát triển bền vững của xã hội, cộng đồng.

1.1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

+ Chuẩn đầu ra theo năng lực

Bảng 1. Chuẩn đầu ra theo năng lực

TT	Chuẩn đầu ra theo năng lực	Mục tiêu cụ thể				
		MT1	MT2	MT3	MT4	MT5
a	Có khả năng vận dụng các kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học, ứng dụng các phần mềm để phân tích dữ liệu trong ngành dệt, may;	x			x	
b	Có khả năng nhận biết, lựa chọn vật liệu và công nghệ, phát triển sản phẩm dệt may phù hợp với điều kiện thực tế và nhu cầu của người tiêu dùng;		x	x		
c	Có khả năng nghiên cứu độc lập, phát triển và thử nghiệm giải pháp mới, kỹ thuật mới, công nghệ mới vào lĩnh vực dệt may;			x	x	
d	Có năng lực nghiên cứu và phát triển sản phẩm dệt may; phân tích và giải quyết được các vấn đề kỹ thuật phức tạp, thường xảy ra thuộc ngành công nghệ dệt may trong bối cảnh kinh tế toàn cầu, môi trường và xã hội;	x	x	x	x	x
e	Có khả năng xây dựng, quản lý và triển khai dự án, tiếp nhận và chuyển giao công nghệ mới liên quan đến lĩnh vực dệt may;			x	x	
f	Có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường nghề nghiệp, sản xuất và kinh doanh trong ngành dệt may thay đổi trong bối cảnh hội nhập quốc tế;		x		x	x
g	Có tinh thần trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp, tính chuyên nghiệp trong công việc;	x	x	x	x	x
h	Có khả năng thiết kế, đánh giá, cải tiến, sáng kiến, nâng cao hiệu quả hoạt động nghề nghiệp, góp phần hoàn thiện hệ thống trong sản xuất ngành dệt may;	x	x	x	x	x
i	Có năng lực ngoại ngữ cấp độ 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt nam (tương ứng với B1 khung Châu Âu);			x	x	x
j	Có khả năng hình thành ý tưởng, thiết lập các mô hình, tổ chức, xây dựng và thực hiện kế hoạch của dự án trong ngành dệt may.			x	x	

Bảng 2. Ma trận kiến thức, kỹ năng

Stt	Học phần	a	b	c	d	e	f	g	h	i	j
1	Triết học						x	x			
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	x		x	x		x	x	x		
3	Tiếng Anh			x			x			x	
4	Phương pháp phân tích dữ liệu ngành dệt may	x		x	x						
5	Vật liệu mới trong dệt may		x		x						x
6	Công nghệ sản xuất xơ sợi tiên tiến		x		x						
7	Tiêu chuẩn hóa sản phẩm dệt may		x		x	x					
8	Đo lường trong dệt may	x		x	x			x			
9	Tiện nghi trang phục		x		x				x		
10	Phát triển bền vững trong dệt may		x		x		x	x	x		
11	Vật liệu dệt may kỹ thuật		x		x						
12	Vải không dệt và ứng dụng trong ngành may		x	x	x						
13	Cấu trúc vải dệt thoi		x		x						x
14	Cấu trúc vải dệt kim		x		x						x
15	Nghiên cứu và phát triển sản phẩm dệt may		x	x	x		x				x
16	Vải dệt 3D		x		x						x
17	Tiến bộ mới trong công nghệ dệt			x	x	x	x		x		
18	Kỹ thuật mới trong công nghệ hoàn tất dệt may			x	x	x	x		x		
19	Kỹ thuật mới trong thiết kế trang phục			x	x	x	x		x		
20	Tiến bộ mới trong công nghệ may			x	x	x	x		x		
21	Phân tích và dự báo xu hướng sản phẩm dệt may	x		x	x		x				x
22	Sản phẩm dệt may thông minh		x	x	x		x				x
23	Phát triển thương hiệu dệt may		x		x		x				x
24	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong ngành dệt may	x		x	x				x		x
25	Khoa học quản lý sản xuất trong dệt may			x	x	x	x	x			
26	Tự động hóa trong công nghệ dệt may			x	x				x		

+ Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Quản lý, phụ trách kỹ thuật hoặc thực hiện những công việc kỹ thuật trong các công ty, nhà máy, xí nghiệp về lĩnh vực công nghệ dệt, may.
- Giảng dạy, quản lý tại các cơ sở đào tạo như đại học, cao đẳng,...về công nghệ dệt, may.
- Làm công tác nghiên cứu tại các viện và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ dệt, may.
- Tổ chức, quản lý, triển khai các dự án trong lĩnh vực công nghệ dệt, may.

+ Trình độ ngoại ngữ:

Trình độ năng lực ngoại ngữ của học viên đạt được ở mức cấp độ 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương cấp độ B1 theo khung châu Âu.

1.2. Thời gian đào tạo

Thời gian đào tạo toàn khóa: 1,5 năm

1.3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng số tín chỉ tích lũy: 45 tín chỉ (TC)

1.4. Đối tượng tuyển sinh

Tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp hoặc ngành gần theo Bảng 7.

1.5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Căn cứ vào quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

1.6. Thang điểm

Thang điểm chữ theo hệ thống đào tạo tín chỉ tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

1.7. Nội dung chương trình

1.7.1. Khái quát chương trình

Chương trình đào tạo theo hình thức đào tạo chính quy tập trung, thời gian quy định là 1,5 năm, hoàn thành chương trình trong 4 học kỳ. Thực hiện theo quy chế đào tạo tín chỉ, để hoàn thành chương trình học viên có thể kéo dài tối đa 3 năm (Bảng 4).

Bảng 3. Cấu trúc chương trình đào tạo

Stt	Nội dung	Số tín chỉ
1	Phần 1. Kiến thức chung	5
	Triết học	3
	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
	Tiếng Anh	
2	Phần 2. Kiến thức cơ sở	13
	Phần kiến thức cơ sở bắt buộc	7
	Phần kiến thức cơ sở tự chọn	6
3	Phần 3. Kiến thức chuyên ngành	17
	Phần kiến thức chuyên ngành bắt buộc	10
	Phần kiến thức chuyên ngành tự chọn	7
4	Phần 4. Luận văn tốt nghiệp	10
Tổng số		45

1.7.2. Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo

Bảng 4. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Công nghệ dệt, may.

STT	Mã số học phần		Tên học phần	Số tín chỉ		
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	Lý thuyết	TN/TL
I	PHẦN KIẾN THỨC CHUNG			5	4	1
1	LP	00	Triết học	3	2	1
2	FG	00	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	0
3	FG	00	Tiếng Anh *			
II	KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ			13	12	1
2.1	Các học phần bắt buộc			7	6	1
1	FG	11	Phương pháp phân tích dữ liệu ngành dệt may	3	2	1
2	FG	11	Vật liệu mới trong dệt may	2	2	0
3	FG	11	Đo lường trong dệt may	2	2	0
2.2	Các học phần tự chọn (chọn 6 tín chỉ trong các học phần sau)			6	6	0
1	FG	10	Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng sản phẩm dệt may	2	2	0
2	FG	10	Công nghệ sản xuất xơ sợi tiên tiến	2	2	0
3	FG	10	Tiện nghi trang phục	2	2	0
4	FG	10	Phát triển bền vững trong dệt may	2	2	0
5	FG	10	Vật liệu dệt may kỹ thuật	2	2	0
6	FG	10	Vải không dệt và ứng dụng trong ngành may	2	2	0
7	FG	10	Cấu trúc vải dệt thoi	2	2	0
8	FG	10	Cấu trúc vải dệt kim	2	2	0
III	KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH			17	16	1
3.1	Các học phần bắt buộc			10	9,5	0,5
1	FG	21	Nghiên cứu và phát triển sản phẩm dệt may	2	1,5	0,5
2	FG	21	Vải dệt 3D	2	2	0
3	FG	21	Công nghệ mới trong hoàn tất sản phẩm dệt may	2	2	0
4	FG	21	Kỹ thuật mới trong thiết kế trang phục	2	2	0
5	FG	21	Tiến bộ mới trong công nghệ may	2	2	0
3.2	Các học phần tự chọn (chọn 7 tín chỉ trong các học phần sau)			7	6	1

Bảng 4. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Công nghệ dệt, may.

STT	Mã số học phần		Tên học phần	Số tín chỉ		
	Phân chữ	Phân số		Tổng số	Lý thuyết	TN/TL
1	FG	20	Tiến bộ mới trong công nghệ dệt	2	2	0
2	FG	20	Phân tích và dự báo xu hướng sản phẩm dệt may	3	2	1
3	FG	20	Sản phẩm dệt may thông minh	2	2	0
4	FG	20	Phát triển thương hiệu dệt may	2	2	0
5	FG	20	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong ngành dệt may	2	2	0
6	FG	20	Khoa học quản lý sản xuất trong dệt may	3	3	0
7	FG	20	Tự động hóa trong công nghệ dệt may	2	2	0
IV	LUẬN VĂN THẠC SĨ			10	0	10
TỔNG CỘNG (I+II+III+IV)				45	27,5	17,5

(*) Trình độ năng lực ngoại ngữ của học viên đạt được ở mức cấp độ 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt nam hoặc tương đương cấp độ B1 theo khung châu Âu.

1.8. Kế hoạch đào tạo toàn khóa theo hình thức tập trung

Bảng 5. Kế hoạch đào tạo toàn khóa

Dạng 3: Kế hoạch đào tạo toàn khóa

Stt	Mã số học phần		Tên học phần	Tổng số TC	Học kỳ			
	Phân chữ	Phân số			I	II	III	IV
I	PHẦN KIẾN THỨC CHUNG			5				
1	LP	7101	Triết học	3	x			
2	FG	7117	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	x			
3	FG	7101	Tiếng Anh *					
II	PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ			13				
2.1	Các học phần cơ sở bắt buộc			7				
1	FG		Phương pháp phân tích dữ liệu ngành dệt may	3	x			
2	FG		Vật liệu mới trong dệt may	2	x			
3	FG		Đo lường trong dệt may	2	x			

Stt	Mã số học phần		Tên học phần	Tổng số TC	Học kỳ			
	Phần chữ	Phần số			I	II	III	IV
2.2	Các học phần cơ sở tự chọn (chọn 6 tín chỉ trong các học phần sau)			6				
1	FG		Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng sản phẩm dệt may	2		x		
2	FG		Công nghệ sản xuất xơ sợi tiên tiến	2		x		
3	FG		Tiện nghi trang phục	2		x		
4	FG		Phát triển bền vững trong dệt may	2		x		
5	FG		Vật liệu dệt may kỹ thuật	2		x		
6	FG		Vải không dệt và ứng dụng trong ngành may	2		x		
7	FG		Cấu trúc vải dệt thoi	2		x		
8	FG		Cấu trúc vải dệt kim	2		x		
III	PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH			17				
3.1	Các học phần chuyên ngành bắt buộc			10				
1	FG		Nghiên cứu và phát triển sản phẩm dệt may	2		x		
2	FG		Vải dệt 3D	2		x		
3	FG		Công nghệ mới trong hoàn tất sản phẩm dệt may	2		x		
4	FG		Kỹ thuật mới trong thiết kế trang phục	2			x	
5	FG		Tiến bộ mới trong công nghệ may	2			x	
3.2	Các học phần chuyên ngành tự chọn (chọn 7 tín chỉ trong các học phần sau)			7				
1	FG		Tiến bộ mới trong công nghệ dệt	2			x	
2	FG		Phân tích và dự báo xu hướng sản phẩm dệt may	3			x	
3	FG		Sản phẩm dệt may thông minh	2			x	
4	FG		Phát triển thương hiệu dệt may	2			x	
5	FG		Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong ngành dệt may	2			x	
6	FG		Khoa học quản lý sản xuất trong dệt may	3			x	

Stt	Mã số học phần		Tên học phần	Tổng số TC	Học kỳ			
	Phần chữ	Phần số			I	II	III	IV
7	FG		Tự động hóa trong công nghệ dệt may	2			x	
IV	PHẦN LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP			10				
1	FG		Luận văn thạc sĩ	10			x	
TỔNG CỘNG (I+II+III+IV)				45	12	12	11	10

2. Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo và đảm bảo chất lượng đào tạo

2.1. Kế hoạch tuyển sinh

2.1.1. Phương án tuyển sinh ngành đào tạo và chỉ tiêu dự kiến 5 năm đầu

Dự kiến số lượng học viên cần tuyển sinh trong 5 năm (từ năm 2019 đến 2023) được thực hiện theo Bảng 6.

Bảng 6. Dự kiến số lượng học viên cao học trong 5 năm tới.

STT	Năm đào tạo	Số lượng học viên	Ghi chú
1.	2019	20	
2.	2020	20	
3.	2021	30	
4.	2022	30	
5.	2023	30	

2.1.2. Đối tượng tuyển sinh, yêu cầu đối với người dự tuyển (văn bằng, ngành học, loại tốt nghiệp, kinh nghiệm công tác); yêu cầu đối với người tốt nghiệp.

Nguồn tuyển sinh:

Nguồn tuyển là người đã tốt nghiệp đại học các ngành đúng, ngành phù hợp hoặc ngành gần trong Bảng 7.

Điều kiện dự tuyển:

Người tham gia dự thi vào chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Công nghệ dệt, may phải có các điều kiện sau đây:

- Đã tốt nghiệp đại học các ngành đúng, ngành phù hợp hoặc ngành gần được quy định tại phần 2, mục **Nguồn tuyển sinh**.
- Người tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành dự thi phải học bổ sung kiến thức trước khi dự thi. Nội dung kiến thức học bổ sung cho từng ngành do Hội đồng khoa học Khoa Công nghệ May & TKTT xem xét, trình Hiệu trưởng quyết định (Bảng 8).
- Có đủ sức khỏe để học tập.
- Nộp hồ sơ đầy đủ và đúng thời hạn theo quy định của Hội đồng tuyển sinh nhà trường.

Ghi chú: Nếu người dự thi có văn bằng tốt nghiệp đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp, ngoài các điều kiện trên phải có công nhận về văn bằng tốt nghiệp của Cục quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và đào tạo.

Các môn thi tuyển sinh:

- Môn cơ sở ngành: Vật liệu dệt may
- Môn chuyên ngành: Công nghệ dệt may
- Môn ngoại ngữ: Tiếng Anh

Đối tượng được miễn thi ngoại ngữ (Tiếng Anh):

- Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài bằng tiếng Anh, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo qui định;
- Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng;
- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ Tiếng Anh;
- Có chứng chỉ trình độ Tiếng Anh trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ theo qui định của trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

Đối tượng và mức ưu tiên:

Theo qui định của trường Đại học Công nghiệp Hà nội;

Điều kiện tốt nghiệp:

Điều kiện tốt nghiệp căn cứ vào Quyết định số 630/QĐ-ĐHCN ngày 18/6/2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Hà nội về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ tại trường Đại học Công nghiệp Hà nội:

- a) *Đạt yêu cầu ngoại ngữ:* Trình độ năng lực ngoại ngữ của học viên đạt được ở mức cấp độ 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương cấp độ B1 theo khung châu Âu.
- b) *Có đủ điều kiện bảo vệ luận văn, gồm:*
 - Học viên hoàn thành chương trình đào tạo, có điểm trung bình chung các học phần trong chương trình đào tạo đạt từ 5,5 trở lên (theo thang điểm 10) hoặc điểm C trở lên (theo thang điểm chữ).
 - Có đơn xin bảo vệ và cam đoan danh dự về kết quả nghiên cứu trung thực, đồng thời phải có ý kiến xác nhận của người hướng dẫn luận văn đủ điều kiện bảo vệ theo quy định.
 - Không đang trong thời gian chịu kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
 - Không bị khiếu nại, tố cáo về nội dung khoa học trong luận văn.
- c) *Bảo vệ luận văn đạt yêu cầu, điểm luận văn đạt từ 5,5 trở lên (theo thang điểm 10).*

2.1.3. Danh mục các ngành đúng, ngành phù hợp và ngành gần

Danh mục ngành đúng, ngành gần và ngành phù hợp được quy định tại Bảng 7.

Bảng 7. Danh mục các ngành đúng, ngành phù hợp và ngành gần.

STT	Mã số	Tên ngành	Ghi chú
Ngành đúng			
1.	7540204	Công nghệ dệt, may	
2.	7540203	Công nghệ vật liệu dệt, may	
Ngành phù hợp			
1.	(52540204)	Công nghệ may	
2.	7520312 (52540201)	Kỹ thuật dệt	
3.	7540202 (52540202)	Công nghệ sợi dệt	
Ngành gần			
1.	7540206 (52540206)	Công nghệ da giày	
2.	7210406 (52210404)	Thiết kế thời trang	
3.	7140246	Sư phạm công nghệ	
4.	7140214 (521402140)	Sư phạm kỹ thuật công nghiệp	

Ghi chú: Mã ngành trong ngoặc đơn là mã ngành trước đây theo thông tư 14/2010/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 4 năm 2010 và Thông tư số 32/2013/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo.

2.1.4. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức.

Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần phải học bổ sung kiến thức trước khi dự thi. Các học phần bổ sung kiến thức được trình bày trên Bảng 8.

Bảng 8. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức.

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1.	Vật liệu dệt may	3	Áp dụng theo đối tượng cụ thể
2.	Công nghệ sản xuất may công nghiệp	3	
3.	Thiết kế và điều hành dây chuyền may	3	
4.	Công nghệ dệt, nhuộm	3	
5.	Công nghệ kéo sợi	3	

- Nội dung cụ thể của các học phần bổ sung kiến thức do Hội đồng khoa học đào tạo của Khoa xem xét, trình Hiệu trưởng quyết định.